

Số 142/CBTT-HĐQTCSDP

Bình Phước, ngày 28 tháng 6 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

- Mã chứng khoán: DPR
- Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại liên hệ: 02713 819 786; Fax: 02713 819 620
- E-mail: tchc.dpr@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết, Biên bản và tài liệu kèm theo Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023_Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/6/2023 tại đường dẫn:

http://doruco.com.vn/data/upload_file/File/2023/TAI%20LIEU%20SAU%20%C4%90ai_Hoi.pdf

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- VT

Tài liệu đính kèm:

- NQ số 66/NQ-ĐHĐCĐSDP
Ngày 27/6/2023;
- BB số 140/BB-ĐHĐCĐSDP
Ngày 27/6/2023;
- Và tài liệu đính kèm NQ và BB.

Đại diện tổ chức

Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phan Văn Hà

**TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**



**TÀI LIỆU
ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**

Địa chỉ: Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Điện Thoại: 02713 819 786
Fax: 02713 819 620

Tháng 6 năm 2023



DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN
SAU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023	
2	Biên bản Đại hội đồng cổ đông năm 2023	
3	BB thăm tra tư cách cổ đông	
4	BB kiểm phiếu nội dung 1 và BB kiểm phiếu nội dung 2 đến nội dung 9	
5	09 nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội	
5.1	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 1)	
5.2	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023	
5.3	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023	
5.4	Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2022 (Tờ trình số 2)	
5.5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 (Tờ trình số 3)	
5.6	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 4)	
5.7	Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình số 5)	
5.8	Báo cáo phụ cấp HĐQT&BKS năm 2022 và KH năm 2023 (Tờ trình số 6)	
5.9	Tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (TTr số 7)	
6	Quy chế tổ chức Đại hội	
7	BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất đã kiểm toán.	

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2021/QH14 và Điều lệ Công ty;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (DPR) số 140/BB-ĐHĐCĐCSĐP ngày 27/6/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 1) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6:

1.1. Khoản 3 Điều 6 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.

1.2. Khoản 3 Điều 6 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Việc phát hành cổ phần ưu đãi (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 6:

2.1. Khoản 5 Điều 6 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [đính kèm phụ lục] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này”.

2.2. Khoản 5 Điều 6 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“Công ty không có cổ đông sáng lập”.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 46:

3.1. Khoản 6 Điều 46 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”

3.2. Khoản 6 Điều 46 sau khi sửa đổi, bổ sung:



“ Trích tối đa 30% lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư phát triển Công ty; Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật ”

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Điều 4: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán “Tờ trình số 2”.

1. Thông qua BCTC tổng hợp năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện, ký ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2023; “đính kèm BCTC tổng hợp đã kiểm toán”).

Một số chỉ tiêu chính:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
I	Tổng tài sản đến 31/12/2022	2.341.012.637.249
1	Tài sản ngắn hạn	848.271.414.320
2	Tài sản dài hạn	1.492.741.222.929
II	Tổng nguồn vốn đến 31/12/2022	2.341.012.637.249
1	Nợ phải trả	189.761.364.222
2	Vốn chủ sở hữu	2.151.251.273.027
III	Kết quả kinh doanh năm 2022	
1	Tổng doanh thu	853.917.311.223
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	755.339.884.605
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	48.092.181.662
1.3	Doanh thu khác	50.485.244.956
2	Tổng chi phí	603.045.399.572
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	250.871.911.651
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.238.602.853
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	204.633.308.798

2. Thông qua BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện, ký ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2023; “đính kèm BCTC hợp nhất đã kiểm toán”).

Một số chỉ tiêu chính:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
I	Tổng tài sản đến 31/12/2022	4.164.860.326.412
1	Tài sản ngắn hạn	1.885.073.999.051
2	Tài sản dài hạn	2.279.786.327.361

II	Tổng nguồn vốn đến 31/12/2022	4.164.860.326.412
1	Nợ phải trả	1.173.569.060.380
2	Vốn chủ sở hữu	2.991.291.266.032
III	Kết quả kinh doanh năm 2022	
1	Tổng doanh thu	1.333.353.668.654
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.210.731.831.577
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	67.658.674.202
1.3	Doanh thu khác	54.963.162.875
2	Tổng chi phí	983.252.432.543
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	350.101.236.111
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.460.511.421
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.450.377.381
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	291.190.347.309

Trong trường hợp Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự điều chỉnh chỉ tiêu liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022, giao cho Hội đồng quản trị thực hiện rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu, báo cáo và đồng thời báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 5: Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn 01 trong 03 đơn vị sau là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

- + Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 “Tờ trình số 4” như sau:

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022	250.872
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022	46.239
3	Lợi nhuận còn lại sau thuế năm 2022	204.633
4	Phân phối lợi nhuận trong năm 2022	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	365.886
	+ Lợi nhuận sau thuế lũy kế cuối kỳ trước	161.253
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022	204.633
	- Trích quỹ đầu tư phát triển 30%LNST	61.389
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (02 tháng lương)	32.762
	- Trích quỹ khen thưởng người quản lí DN (01 tháng lương)	301
	- Chia cổ tức (30%VDL)	130.329
	<i>“Trường hợp khi Công ty tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1 trước</i>	

	<i>khi chốt danh sách chia cổ tức thì tỷ lệ chia cổ tức là 15%/VDL."</i>	
5	Lợi nhuận còn lại:	141.105

Giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và triển khai thực hiện việc trích lập các Quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo các quy định hiện hành.

Điều 7: Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 và phân phối lợi nhuận năm 2023 “tờ trình số 5”, trong đó:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2023
1	Diện tích vườn cây cao su tự khai thác	Ha	4.893,43
2	Diện tích vườn cây KTCB	Ha	2.430,95
3	Diện tích vườn cây tái canh	Ha	399,79
4	Sản lượng cao su tự khai thác	tấn	9.528
5	Sản lượng thu mua	tấn	3.000
6	Sản lượng chế biến	tấn	13.500
7	Sản lượng tiêu thụ	tấn	13.000
8	Năng suất bình quân	tấn/ha	1,95
9	Giá bán bình quân	trđ/tấn	38,28
10	Giá thành bình quân	trđ/tấn	33,27
11	Sản lượng gỗ phôi sản xuất trong kỳ	m ³	9.000
12	Sản lượng gỗ phôi tiêu thụ trong kỳ	m ³	9.500
13	Tổng doanh thu	Trđ	819.656
13	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	Trđ	275.019
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	Trđ	220.015
15	Vốn đầu tư XDCB & ĐTTC	Trđ	314.440
16	Thu nhập bình quân/người/tháng	Trđ	8,0

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 (nếu có) phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty và cổ đông.

h. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ước đạt 220.015 triệu đồng, được phân phối như sau:

- + Trích Quỹ Đầu tư phát triển tối đa: 30% LNST
- + Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi: tương đương 03 tháng lương thực trả
- + Chia cổ tức: tối thiểu 15%/mệnh giá (sau khi tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1).
- + Trích Quỹ thưởng Người quản lý DN: tối đa 1,5 tháng lương thực hiện.

Điều 8: Thông qua báo cáo thù lao HĐQT&BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023 “tờ trình số 6”, trong đó:

1. Tổng thù lao và phụ cấp chi trả cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 là 316.800.0000 đồng.

2. Tổng mức chi kế hoạch năm 2023: Tương đương mức thù lao của năm 2022, và mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Điều 9: Thông qua tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (Tờ trình số 7).

Điều 10: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triển khai việc thực hiện, kiểm tra, giám sát Nghị quyết theo chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy chế và văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CK TP.HCM
- Cổ đông Cty
- HĐQT, BKS
- Website Cty
- Lưu: VT, thư ký

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Mai Huỳnh Nhật





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Kính thưa: quý đại biểu khách quý.
Kính thưa: quý cổ đông.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại hội trường Công ty CP cao su Đông Phú, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước. Được sự phân công của ban tổ chức, ban thẩm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm:

1. Ông Huỳnh Minh Tâm TB KS công ty_ Trưởng ban
2. Bà Nguyễn thị Hải Yên Thành viên
3. Ông Phạm Nguyễn Tuấn Thành viên.

Đã tiến hành thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội; thay mặt ban thẩm tra, tôi xin báo cáo tình hình cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông công ty CP cao su Đông Phú năm 2023 như sau:

Tổng số cổ đông mời tham dự đại hội theo danh sách cổ đông chốt ngày 29 tháng 5 năm 2023 là: 2.494 cổ đông, sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết là 43.442.966 cổ phần.

Tổng số cổ đông sở hữu và ủy quyền tham dự đại hội (đến ..08..giờ, 45.. phút, ngày 27/6/2023 là:68..... cổ đông, đại diện cho ...27.052.963..... số cổ phần có quyền biểu quyết; chiếm tỷ lệ: 62,27.. %. tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

Trong đó, cổ đông trực tiếp tham dự đại hội là.....44..... Cổ đông;

Cổ đông ủy quyền là:24..... Cổ đông.

Tất cả đại biểu tham dự với tư cách cổ đông đều có đủ tiêu chuẩn theo quy định, những người đại diện cho cổ đông đều được ủy quyền hợp pháp bằng văn bản theo luật định.

Căn cứ điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và điều 21 Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông công ty CP cao su Đông Phú đủ điều kiện để tiến hành

Ban Thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội

TM. BAN THẨM TRA
TRƯỞNG BAN

Huỳnh Minh Tâm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Kính thưa: quý đại biểu khách quý.

Kính thưa: quý cổ đông.

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 25 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại hội trường Công ty CP cao su Đồng Phú, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước. Được sự phân công của ban tổ chức, ban thẩm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm:

1. Ông Huỳnh Minh Tâm TB KS công ty_ Trưởng ban
2. Bà Nguyễn thị Hải Yên Thành viên
3. Ông Phạm Nguyễn Tuấn Thành viên.

Đã tiến hành thẩm tra tư các cổ đông tham dự đại hội; thay mặt ban thẩm tra, tôi xin báo cáo tình hình cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông công ty CP cao su Đồng Phú năm 2023 như sau:

Tổng số cổ đông mời tham dự đại hội theo danh sách cổ đông chốt ngày 29 tháng 5 năm 2023 là: 2.494 cổ đông, sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết là 43.442.966 cổ phần.

Tổng số cổ đông sở hữu và ủy quyền tham dự đại hội (đến ...9... giờ. 25... phút, ngày 27/6/2023 là:109..... cổ đông, đại diện cho ...31.459.682..... số cổ phần có quyền biểu quyết; chiếm tỷ lệ: 72,42%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

Trong đó, cổ đông trực tiếp tham dự đại hội là.....71..... Cổ đông;

Cổ đông ủy quyền là:38..... Cổ đông.

Tất cả đại biểu tham dự với tư cách cổ đông đều có đủ tiêu chuẩn theo quy định, những người đại diện cho cổ đông đều được ủy quyền hợp pháp bằng văn bản theo luật định.

Căn cứ điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và điều 21 Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông công ty CP cao su Đồng Phú đủ điều kiện để tiến hành

Ban Thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội

TM. BAN THẨM TRA
TRƯỞNG BAN

Huỳnh Minh Tâm



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**Biểu quyết Nội dung 1 v/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
(Tờ trình số 1) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023**

Hôm nay, ngày 27/6/2023, đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú, tổ chức tại trụ sở công ty; Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

Ban Kiểm phiếu được đại hội đồng cổ đông, bầu gồm có 05 thành viên, bao gồm:

- | | |
|--------------------------|------------|
| 1. Ông Phạm Văn Hòa | Tổ trưởng |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hải Yên | Thành viên |
| 3. Ông Phạm Nguyễn Tuấn | Thành viên |
| 4. Ông Phạm Văn Đồng | Thành viên |
| 5. Bà Mai Lê Hoàng Cầm | Thành viên |

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, mời tham dự đại hội: 43.442.966 cổ phần.

Tổng số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết: 31.459.682 cổ phần.

Chiếm tỉ lệ: 72,42 %

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phương thức giơ thẻ biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

01 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội = 01 thẻ biểu quyết

Kết quả kiểm phiếu thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Cao su Đồng Phú như sau:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Căn cứ theo Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty được biểu quyết thông qua.

TÓ KIỂM PHIẾU

1. Ông Phạm Văn Hòa



2. Bà Nguyễn Thị Hải Yên _____

3. Ông Phạm Nguyễn Tuấn _____

4. Ông Phạm Văn Đồng _____

5. Bà Mai Lê Hoàng Cẩm _____



Số 140/BB-ĐHĐCĐCSĐP

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ (DPR)

A. KHAI MẠC:

- Thời gian: 08 giờ 30 phút ngày 27 tháng 6 năm 2023

- Địa điểm: Hội trường Công ty CP cao su Đồng Phú xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Ông Phạm Văn Hòa_TP.TCHC tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự:

Đại diện lãnh đạo Tập Công nghiệp Cao su Việt Nam

Ông Huỳnh Kim Nhật: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Hội đồng Quản trị gồm:

1. Ông Mai Huỳnh Nhật_Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hồ Cường_TV HĐQT_Tổng giám đốc
3. Ông Huỳnh Trọng Thủy_TV HĐQT
4. Ông Phạm Phi Điều_TV HĐQT
5. Bà Nguyễn Ngọc Thanh_TV HĐQT

Ban kiểm soát gồm:

1. Ông Huỳnh Minh Tâm_Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Thu Thủy_thành viên
3. Bà Nguyễn Minh Trang_thành viên

Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Ông Huỳnh Minh Tâm, đại diện ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội với kết quả như sau:

Tổng số cổ đông mời tham dự Đại hội theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/5/2023 là: 2.494 cổ đông, sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết là 43.442.966 cổ phần.

Tổng số cổ đông ủy quyền và tham dự đại hội tại thời điểm (08h45) là: 68 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 27.052.963 cổ phần có quyền biểu quyết; chiếm tỷ lệ: 62,27% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Những người tham dự đại hội với tư cách cổ đông có đủ tiêu chuẩn theo quy định, những người đại diện cho cổ đông đều được ủy quyền hợp pháp bằng văn bản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty;



Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Cty cổ phần cao su Đông Phú, đủ điều kiện tiến hành.

Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu trình Đại hội:

Đoàn Chủ tịch:

1. Ông Mai Huỳnh Nhật_Chủ tịch HĐQT, chủ tọa đại hội
2. Ông Hồ Cường_TV HĐQT_Tổng giám đốc
3. Ông Huỳnh Trọng Thủy_TV HĐQT P. TGD
4. Ông Phạm Phi Điều_TV HĐQT không điều hành
5. Bà Nguyễn Ngọc Thanh_TV HĐQT độc lập

Thư ký đại hội:

1. Ông Phan Văn Hà Thư ký Công ty
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà Phó phòng KTTV

Chủ tọa đại hội giới thiệu bầu ban kiểm phiếu, gồm các ông bà:

1. Ông Phạm Văn Hòa TP TCHC làm Tổ trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Hải Yên Thành viên
3. Ông Phạm Nguyễn Tuấn Thanh viên
4. Ông Phạm Văn Đồng Thanh viên
5. Bà Mai Lê Hoàng Cẩm Thành viên

Đại hội Biểu quyết nhất trí 100%.

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

Ông Huỳnh Trọng Thủy, thay mặt đoàn chủ tịch thông qua nội dung chương trình và quy chế Đại hội.

Đại hội Biểu quyết nhất trí 100%.

Diễn biến Đại hội như sau:

Ông Hồ Cường thông qua:

Nội dung 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 1)

Ông Cường lấy ý kiến biểu quyết: bằng phương thức giơ thẻ biểu quyết

Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua đạt 100%/tổng số cổ phần tham dự Đại hội

Ông Mai Huỳnh Nhật thông qua:

Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Ông Huỳnh Minh Tâm thông qua:

Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023

Ông Phạm Ngọc Huy_Kế toán trưởng thông qua:

Nội dung 4: Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2022 (Tờ trình số 2)

Ông Huỳnh Minh Tâm thông qua:

Nội dung 5: Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 (Tờ trình số 3)

Ông Phạm Phi Điều thông qua:

Nội dung 6: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 4)

Ông Hồ Cường thông qua:

Nội dung 7: Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình số 5)

Bà Nguyễn Ngọc Thanh thông qua:

Nội dung 8: Bào cáo phụ cấp HDQT & BKS năm 2022 và KH năm 2023 (Tờ trình số 6)

Ông Phạm Phi Điều thông qua:

Nội dung 9: Tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (TTr số

7)

ĐẠI HỘI THẢO LUẬN:

Ý kiến của cổ đông và trả lời của Đoàn chủ tịch (gọi tắt là ý kiến và trả lời):

Ý kiến:

Số lượng cổ đông nhỏ lẻ của Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông là ít, vậy tại sao Công ty CP Cao su Đồng Phú không mua số lượng cổ phần đó để sáp nhập cho nhanh.

Trả lời:

Ban lãnh đạo Công ty cũng đã thương thảo với Cổ đông của Công ty CP cao su Đồng Phú Đắk Nông tuy nhiên Cổ đông của Cty Đồng Phú Đắk Nông không bán mà chỉ đồng ý phương án sáp nhập vào Công ty CP Cao su Đồng Phú.

Ý kiến:

Thủ tục tăng vốn điều lệ Công ty đã tiến hành đến đâu và còn vướng mắc gì?

Trả lời:

Công tác tăng vốn điều lệ với tỷ lệ tăng là 1:1 có liên quan đến việc sáp nhập Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông; tuy nhiên việc sáp nhập Cty Đồng Phú Đắk Nông vào Công ty Đồng Phú đã xong, chỉ còn bước sau khi quyết toán xong thuế với tỉnh Đắk Nông là sở Kế hoạch tỉnh Đắk Nông sẽ thu hồi giấy phép ĐKKD của Công ty Đồng Phú Đắk Nông (dự kiến đầu quý 3/2023), Công ty sẽ triển khai ngay thủ tục tăng vốn điều lệ (thời gian triển khai khoảng 45 -> 60 ngày)

Ý kiến:

Công ty làm thủ tục chia cổ tức trước rồi tăng vốn điều lệ sau có được không?

Trả lời:

Việc chia cổ tức trước khi tăng vốn điều lệ thì đã được trình tại tờ trình số 4 về công tác phân phối lợi nhuận năm 2022 (Chia cổ tức năm 2022 là 30%VDL: 130.329 trđ; "Trường hợp khi Công ty tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1 trước khi chốt danh sách chia cổ tức thì tỷ lệ chia cổ tức là 15%/VDL"). Vậy sau khi Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua Tờ trình số 4 thì HĐQT Công ty sẽ tiến hành thủ tục chia cổ tức theo quy định của pháp luật.

Ý kiến:

Trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 có ghi: Diện tích vườn cây cao su tự khai thác 4.893,43ha và Sản lượng cao su tự khai thác là 9.528 tấn nghĩa là sao?

Trả lời:

Trong năm 2023 Công ty có 5.367,5ha diện tích vườn cây cao su khai thác, tuy nhiên do hiện nay Công ty bị thiếu hụt lao động do không tuyển thêm được nên Công ty chỉ có thể tổ chức khai thác được 4.893,43ha, tương ứng với mức sản lượng là 9.528 tấn; diện tích còn lại là 474,07ha cao su chuẩn bị thanh lý, Công ty tổ chức đấu giá nhượng quyền khai thác cho cá nhân và tổ chức bên ngoài để thu tiền về.

Ý kiến:

Tổng Doanh thu năm 2023 (819.656 trđ) thấp hơn năm 2022 (853.917 trđ) mà sao lợi nhuận lớn hơn (275.019 trđ so với 250.872 trđ).

Trả lời:

Tổng doanh thu của Công ty từ 03 nguồn chính là: “1. Doanh thu sản xuất và kinh doanh cao su” (*tương đối ổn định về mặt chi phí*); “2. Doanh thu hoạt động tài chính” và “3. Doanh thu hoạt động khác” của năm 2023 tăng so với năm 2022 (*chi phí của 02 mục này không biến động đáng kể*).

Ý kiến:

Tiến độ triển khai của 02 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú như thế nào?

Trả lời:

Việc bổ sung quy hoạch khu công nghiệp của tỉnh Bình Phước vào quy hoạch khu công nghiệp của Việt Nam, công ty đã thực hiện bước này từ năm 2019 đến năm 2021; bước tiếp theo là chủ trương đầu tư 02 khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hiện tại thì dự án mở rộng KCN Bắc Đồng Phú đã có báo cáo của Bộ kế hoạch và Đầu tư trong tháng 5 năm 2023 với diện tích 317 ha, dự án này có khả năng triển khai thực hiện trong năm 2023; Dự án KCN Nam Đồng Phú dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm 2023 “là điều kiện đủ để nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư”.

Ý kiến:

Triển vọng về kế hoạch bàn giao 2.000 ha cho tỉnh Bình Phước như thế nào?

Trả lời:

Trong diện tích quy hoạch của tỉnh Bình Phước thì tỉnh đã quy hoạch diện tích của Công ty là trên 2.000ha. Trong đó thu hồi khoảng 800ha tại 02 NT Tân Thành và NT Thuận Phú để làm khu đô thị mới của Thành phố Đồng Xoài, diện tích còn lại hơn 1.000 ha thì tỉnh cũng đã quy hoạch Khu Công nghiệp và cụm Công nghiệp. Dự kiến giai đoạn từ nay đến năm 2025 thì Công ty sẽ bàn giao cho tỉnh khoảng 300ha.

Ý kiến:

Đề nghị Công ty lập trang Web bằng hình thức song ngữ (Việt - Anh) và cung cấp thêm thông tin về Công ty để quảng bá Công ty với các cổ đông nước ngoài.

Trả lời:

Công ty ghi nhận và sẽ triển khai trong thời gian tới.

Ý kiến:

Đề nghị Công ty tổ chức Đại hội cổ đông của những năm tiếp theo bằng phương pháp trực tuyến để thuận lợi cho cổ đông tham gia và giảm thiểu chi phí đi lại của cổ đông.

Trả lời:

Phương thức tổ chức Đại hội trực tuyến thì ban lãnh đạo Công ty cũng đã có định hướng. Ban lãnh đạo Công ty tán thành với ý kiến của cổ đông là các năm tiếp theo Công ty sẽ triển khai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức trực tuyến.

Phát biểu của đại diện lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:

Ông Huỳnh Kim Nhựt: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn phát biểu chỉ đạo:

Năm 2022 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam nói riêng do ảnh hưởng của chiến tranh Nga-Ukraina, dẫn đến chi phí đầu vào tăng, giá bán mủ cao su ở mức thấp, các dự án Khu Công nghiệp vẫn chưa triển khai được. Nhưng với sự điều hành của HĐQT và Ban điều hành của Công ty cổ phần cao su Đồng Phú đã hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2023 là một năm cũng hết sức khó khăn trong khi giá bán mủ cao su chưa có dấu hiệu phục hồi thì chi phí tiền thuê đất đã tăng thêm trên 04 trđ/ha so với năm 2022.

Công tác trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động năm 2022 chỉ có 02 tháng lương so với những năm trước là 03 tháng lương, ảnh hưởng không ít đến công tác chăm lo ổn định đời sống người lao động.

Để hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2023, ông Huỳnh Kim Nhựt thay mặt lãnh đạo Tập đoàn đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty:

* Tăng cường công tác tiếp xúc nhà đầu tư, tiếp xúc cổ đông để đưa Công ty ngày càng phát triển.

* Công ty sớm hoàn thành công tác tăng vốn điều lệ mà Đại hội cổ đông đã thông qua để tạo tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty.

* Tăng cường hợp tác đầu tư lĩnh vực Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao để tăng thêm lợi nhuận cho Công ty

* Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty xây dựng nhiều kịch bản để hoán thành Kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2023 đã trình Đại hội để thông qua. Đảm bảo hài hoà quyền lợi giữa Công ty, Cổ đông và người lao động.

BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG ĐÃ THÔNG QUA.

Theo kết quả của Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết là 109 cổ đông (trực tiếp tham dự và ủy quyền) sở hữu 31.459.682 cổ phần, chiếm 72,42 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của DPR.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phương thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

01 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội = 01 phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết tại Đại hội 31.459.682 phiếu biểu quyết

Tổng số phiếu hợp lệ: 31.459.682 phiếu

Tổng số phiếu không hợp lệ: không có

Các nội dung biểu quyết:

Nội dung 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 4. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (các chỉ tiêu chính).

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 5. Thống nhất ủy quyền HDQT chọn một trong 03 Công ty để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 29.855.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 94,9 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 1.604.000 phiếu, chiếm tỷ lệ: 5,1 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 7. Thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 29.855.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 94,9 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 1.604.000 phiếu, chiếm tỷ lệ: 5,1 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 8. Thông qua báo cáo thù lao HDQT&BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023:

- | | | |
|-----------------------------------|-------------------|---------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 29.855.682 phiếu, | chiếm tỷ lệ: 94,9 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 1.604.000 phiếu, | chiếm tỷ lệ: 5,1 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, | chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 9. Thông qua tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Thư ký thông qua Nghị quyết Đại hội. Tất cả các nội dung trình Đại hội đã được thông qua theo đúng quy định của pháp luật.

BẾ MẠC ĐẠI HỘI.

Ông Mai Huỳnh Nhật chủ tọa Đại hội cảm ơn quý vị đại biểu cùng các cổ đông và tuyên bố bế mạc Đại hội lúc 12 giờ 15 phút cùng ngày.

THƯ KÝ



Phan Văn Hà



Mai Huỳnh Nhật





TẬP ĐOÀN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU
ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

V/v: Biểu quyết từ Nội dung 2 đến Nội dung 9
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Hôm nay, ngày 27/6/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú, tổ chức tại trụ sở công ty; Địa chỉ: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

Ban Kiểm phiếu được đại hội đồng cổ đông, bầu gồm có 05 thành viên, bao gồm:

- | | |
|--------------------------|------------|
| 1. Ông Phạm Văn Hòa | Tổ trưởng |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hải Yên | Thành viên |
| 3. Ông Phạm Nguyễn Tuấn | Thành viên |
| 4. Ông Phạm Văn Đồng | Thành viên |
| 5. Bà Mai Lê Hoàng Cẩm | Thành viên |

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, mời tham dự đại hội: 43.442.966 cổ phần.

Tổng số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết: 31.459.682 cổ phần.

Chiếm tỉ lệ: 72,42 %

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phương thức giờ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

01 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội = 01 phiếu biểu quyết

Kết quả Biểu quyết của từng nội dung như sau:

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Tổng số phiếu tán thành: | 31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 % |
| 2. Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |
| 3. Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 % |

Nội dung 4: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (các chỉ tiêu chính). (Tờ trình số 2)

1. Tổng số phiếu tán thành:	31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 %
2. Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %
3. Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %

Nội dung 5: Thống nhất ủy quyền HĐQT chọn một trong 03 Công ty để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (Tờ trình số 3) như sau:

- + Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

1. Tổng số phiếu tán thành:	31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 %
2. Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %
3. Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %

Nội dung 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 4):

1. Tổng số phiếu tán thành:	29.855.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 94,9 %
2. Tổng số phiếu không tán thành:	1.604.000 phiếu, chiếm tỷ lệ: 5,1 %
3. Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %

Nội dung 7: Thông qua Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình số 5):

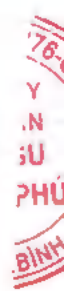
1. Tổng số phiếu tán thành:	29.855.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 94,9 %
2. Tổng số phiếu không tán thành:	1.604.000 phiếu, chiếm tỷ lệ: 5,1 %
3. Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %

Nội dung 8: Thông qua báo cáo thù lao HĐQT&BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023 (Tờ trình số 6):

1. Tổng số phiếu tán thành:	29.855.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 94,9 %
2. Tổng số phiếu không tán thành:	1.604.000 phiếu, chiếm tỷ lệ: 5,1 %
3. Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %

Nội dung 9: Thông qua tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (Tờ trình số 7):

1. Tổng số phiếu tán thành:	31.459.682 phiếu, chiếm tỷ lệ: 100 %
2. Tổng số phiếu không tán thành:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %
3. Tổng số phiếu không có ý kiến:	0 phiếu, chiếm tỷ lệ: 0 %



Căn cứ theo Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, các nội dung nêu trên được biểu quyết thông qua.

TỔ KIỂM PHIẾU

1. Ông Phạm Văn Hòa _____

2. Bà Nguyễn Thị Hải Yên _____

3. Ông Phạm Nguyễn Tuấn _____

4. Ông Phạm Văn Đông _____

5. Bà Mai Lê Hoàng Cẩm _____





CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Thời gian tổ chức: từ 08 giờ 00 đến 11 giờ 30, ngày 27 tháng 6 năm 2023.

STT	Nội dung	Trang
	Phần I: 08h->08h30	
	Đón khách, đăng ký cổ đông	
	Phần II: 08h30 -> 08h45, khai mạc Đại hội	
	Tuyên bố khai mạc, giới thiệu Đại biểu	
	Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký	
	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	
	Phần III: 08h45 -> 11h30, diễn biến Đại hội	
	Đại hội bầu Ban kiểm phiếu; Thông qua quy chế Đại hội và chương trình Đại hội; Đại hội thảo luận; Biểu quyết thông qua.	
1	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 1)	
2	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023	
3	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023	
4	Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2022 (Tờ trình số 2)	
5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 (Tờ trình số 3)	
6	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 4)	
7	Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình số 5)	
8	Báo cáo phụ cấp HĐQT&BKS năm 2022 và KH năm 2023 (Tờ trình số 6)	
9	Tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (TTr số 7)	
	Đại hội thảo luận	
	Trả lời của Đoàn chủ tịch	
	Phát biểu của lãnh đạo Tập đoàn.	
	Biểu quyết các nội dung của Đại hội	
	Đại hội giải lao	
	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội	
	Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
	Biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
	Tuyên bố bế mạc	

Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 1

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 140/NĐ-CP ngày 30/11/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú;

Hội đồng quản trị kinh trình Đại hội về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6:

1.1. Khoản 3 Điều 6 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.

1.2. Khoản 3 Điều 6 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Việc phát hành cổ phần ưu đãi (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 6:

2.1. Khoản 5 Điều 6 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [đính kèm phụ lục] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này”.

2.2. Khoản 5 Điều 6 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“Công ty không có cổ đông sáng lập”.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 46:

3.1. Khoản 6 Điều 46 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”



3.2. Khoản 6 Điều 46 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“ Trích tối đa 30% lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư phát triển Công ty; Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật ”

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Huỳnh Nhật



Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/HDQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HDQT	25/04/2017	
2	Ông Hồ Cường	TV HDQT	27/4/2012	
3	Bà Trần Thị Kim Thanh	TV HDQT độc lập	25/4/2013	27/6/2022
4	Ông Phạm Phi Điều	TV HDQT	29/6/2021	
5	Ông Huỳnh Trọng Thùy	TV HDQT	18/6/2020	
6	Bà Nguyễn Ngọc Thanh	TV HDQT độc lập	27/6/2022	

2. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng. Các thành viên HDQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HDQT theo đúng Điều lệ, quy chế Quản trị Công ty, quy chế hoạt động của HDQT Công ty và sự phân công của Chủ tịch HDQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HDQT; luôn hành động vì quyền lợi của Công ty và các cổ đông Công ty.

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và các cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến thành viên HDQT bằng văn bản với sự có mặt đầy đủ của các thành viên HDQT và Ban Kiểm soát để tổng kết, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, ban hành các quyết định kịp thời về chú trọng để ban điều hành triển khai thực hiện.

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị đều đảm bảo trên cơ sở đã được Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022 thông qua. Các vấn đề chi đạo và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được các thành viên HDQT bàn bạc công khai, dân chủ, trách nhiệm và biểu quyết tại các cuộc họp.



Các quyết định của Hội đồng Quản trị

✓ Phát hành 442.966 cổ phiếu (DPR) để hoán đổi sáp nhập Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú Đăk Nông (442.966 cổ phiếu này đã được Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM niêm yết từ ngày 24/5/2023).

✓ Phê duyệt và bổ nhiệm các chức danh thay đổi trong bộ máy quản lý thuộc thẩm quyền tại các đơn vị trực thuộc trong Công ty và các Công ty con;

✓ Thông qua các quyết định về thanh lý cây cao su để giao đất về cho tỉnh Bình Phước để thực hiện dự án của tỉnh; thanh lý cây cao su để thực hiện dự án tái canh của Công ty.

✓ Kiểm tra, đánh giá và bổ sung kịp thời kế hoạch vốn đầu tư theo tiến độ thực hiện các dự án Công ty;

✓ Thông qua BCTC năm của Công ty;

✓ Thông qua các tờ trình và báo cáo khác để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

3. Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2022.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH
1	Diện tích vườn cây khai thác	ha	4.780,26	4.780,26	100,00
2	Sản lượng khai thác	tấn	8.895	10.897	122,5
3	Năng suất	tấn/ha	1,86	2,28	122,5
4	Sản lượng thu mua	tấn	3.000	3.293	109,76
5	Sản lượng tiêu thụ (kể cả thu mua)	tấn	12.000	13.884,2	115,7
6	Giá bán bình quân	ngh. đ/tấn	38.83	38.63	99,48
7	Tổng doanh thu	Tr. đồng	910.061	853.917	93,83
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	325.785	250.872	77,01
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	260.628	204.633	78,52

4. Hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý:

Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hằng ngày của Công ty.

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Công tác phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát luôn đạt hiệu quả cao. Việc giám sát của Hội đồng Quản trị và của Ban Kiểm soát được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện quản trị Công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của các cổ đông Công ty.

Định kỳ hàng Quý Hội đồng Quản trị yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết Hội đồng Quản trị, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, Hội đồng Quản trị tổ chức họp xem xét đánh giá kết quả điều hành trong quý và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và đột xuất.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy tắc tác nghiệp và quản lý. Năm 2022, tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2022 của Công ty đều vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

5. Thu nhập của Hội đồng quản trị.

ĐVT: 1000 đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập lương & thù lao
1	Ông Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	559.436
2	Ông Hồ Cường	TV HĐQT & TGĐ	528.356
3	Huỳnh Trọng Thủy	TV HĐQT-Phó TGĐ	481.737
4	Ông Phạm Phi Điều	TV HĐQT	74.400
5	Bà Trần Thị Kim Thanh	TV HĐQT	37.200
6	Bà Nguyễn Ngọc Thanh	TV HĐQT	37.200
	CÔNG:		1.718.329

6. Giao dịch với các bên liên quan:

STT	Các bên liên quan	Giá trị giao dịch (đồng)
	Giao dịch mua bán mủ cao su	69.610.364.085
1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	825.900.000
2	Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	27.860.771.200
3	Công ty CP VRG Khải hoàn	9.396.368.725
4	Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông	10.174.752.000
5	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam Công ty Cổ phần	21.352.572.160
	Giao dịch thanh lý cây cao su	75.027.795.189
1	Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su	14.650.350.766
2	Công ty CP Cao su Trường Phát	20.173.065.905

3	Công ty CP Chế biến Gỗ Thuận An	24.283.703.145
4	Công ty CP Gỗ MDF Kiên Giang	15.920.675.373
Giao dịch khác		1.126.984.350
1	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng Bán gỗ giống cao su	51.060.000
2	Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam_ Bán gỗ giống cao su	278.690.000
3	Công ty CP Cao su Lai Châu Gia công mù cao su	794.470.000
4	Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông Gia công mù cao su	2.764.350

7. Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- *Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT:* Các cuộc họp được tổ chức định kỳ đầy đủ, đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy quy chế quản trị Công ty. Các cuộc họp luôn bám sát các vấn đề Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua, cuộc họp được thảo luận, được đánh giá cẩn trọng để đưa ra những quyết định tối ưu nhất.

- *Về việc giám sát Ban điều hành Công ty:* HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát Ban Tổng giám đốc, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đi đúng hướng, các Nghị quyết của HĐQT luôn kịp thời cho công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Các thành viên HĐQT trong Ban Tổng giám đốc luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và đề xuất các giải pháp tối ưu để HĐQT thông qua quyết định.

- *Tình hình chung của hoạt động của Hội đồng quản trị:* Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, chuyên nghiệp, cẩn trọng trong việc bảo vệ lợi ích của Công ty. Tập trung thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

- Việc thực hiện tăng vốn điều lệ (tỷ lệ tăng 1:1) trong năm 2022 chưa thực hiện được, đề nghị tiếp tục triển khai trong năm 2023.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023:

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ, quy chế Quản trị Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT tại Công ty và sự phân công của chủ tịch HĐQT. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của Công ty và các cổ đông Công ty.

Hội đồng Quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hội đồng Quản trị hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đảm bảo việc cung cấp tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tuân thủ tính khách quan, độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho Ban

Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ; Chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- ✓ Luôn vì lợi ích của Công ty và các cổ đông;
- ✓ Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT tại Công ty;
- ✓ Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- ✓ Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Năm 2023, sẽ tiếp tục là những diễn biến khó lường đối với tình hình an ninh, kinh tế thế giới cũng như thị trường cao su Việt Nam. Xung đột Nga – Ukraina làm giá vật tư, nguyên liệu đầu vào và chi phí logistic tăng quá cao, ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất của Công ty. Đây là thách thức đối với Công ty, song cũng là cơ hội tốt để Công ty khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Với tầm nhìn xuyên suốt và quyết tâm cao, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty CP cao su Đồng Phú sẽ vững vàng vượt qua những thách thức phía trước, đón nhận cơ hội và gặt hái những thành công trong thời gian tới.

Phát huy những thành tích đạt được trong năm 2022, để ổn định sản xuất duy trì tốc độ thực hiện các dự án phát triển mở rộng Công ty, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, Công ty cổ phần cao su Đồng Phú phấn đấu hoàn thành những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể sau:

- ✓ Tổ chức chăm sóc và khai thác 2.430,95 ha vườn cây kinh doanh, phấn đấu đạt sản lượng 9.528 tấn, năng suất vườn cây đạt 1,95 tấn/ha.
- ✓ Phấn đấu thu mua sản lượng cao su tiêu diên trên địa bán đạt 3.000 tấn và xây dựng được uy tín của Công ty đối với các hộ tiêu diên.
- ✓ Chăm sóc đúng quy trình 2.430,95 ha diện tích KTCB, đảm bảo giữ được mật độ và tăng trưởng tốt nhằm đưa vào khai thác đúng kế hoạch.
- ✓ Tái canh khoảng 399,79 ha đảm bảo tỷ lệ sống 100%, trong đó 100% cây 04 tầng lá trở lên.
- ✓ Phấn đấu thu nhập bình quân của người lao động đạt trên 8,0 triệu đồng/tháng/người.
- ✓ Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để giúp đỡ các Công ty con hoàn thành thắng lợi các kế hoạch phát triển, nhằm tận dụng nội lực để xây dựng Công ty phát triển mở rộng và bền vững, phù hợp với kế hoạch xây dựng Tập đoàn cao su trong tương lai.
- ✓ Đưa Nhà máy chế biến Gỗ thuộc Chi nhánh Chế biến Gỗ Đồng phú đi vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.

✓ Tiếp tục hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021&2022 đã thông qua.

Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2023:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2023
1	Diện tích vườn cây cao su tự khai thác	Ha	4.893,43
2	Diện tích vườn cây KTCB	Ha	2.430,95
3	Diện tích vườn cây tái canh	Ha	399,79
4	Sản lượng cao su tự khai thác	tấn	9.528
5	Sản lượng thu mua	tấn	3.000
6	Sản lượng chế biến	tấn	13.500
7	Sản lượng tiêu thụ	tấn	13.000
8	Năng suất bình quân	tấn/ha	1,95
9	Giá bán bình quân	trđ/tấn	38,28
10	Giá thành bình quân	trđ/tấn	33,27
11	Sản lượng gỗ phôi sản xuất trong kỳ	m ³	9.000
12	Sản lượng gỗ phôi tiêu thụ trong kỳ	m ³	9.500
13	Tổng doanh thu	Trđ	819.656
13	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	Trđ	275.019
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	Trđ	220.015
15	Vốn đầu tư XDCB & ĐTTC	Trđ	314.440
16	Thu nhập bình quân/người/tháng	Trđ	8,0

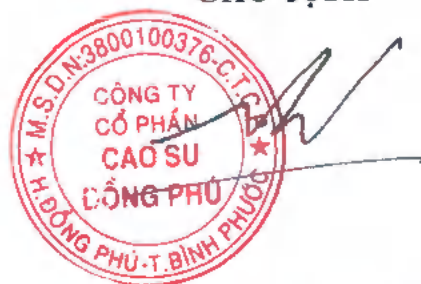
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ước đạt 220.015 triệu đồng, được phân phối như sau:

- + Trích Quỹ Đầu tư phát triển tối đa: 30% LNST
- + Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi: tương đương 03 tháng lương thực trả
- + Chia cổ tức: tối thiểu 15%/mệnh giá (sau khi tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1).
- + Trích Quỹ thưởng Người quản lý DN: tối đa 1,5 tháng lương thực hiện.

Kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Huỳnh Nhật

Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Kính thưa: Quý cổ đông

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại điều 170 Luật doanh nghiệp 2020 và điều 37 Điều lệ Công ty CP Cao su Đồng Phú;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua;

Ban kiểm soát Công ty CP Cao su Đồng Phú nhiệm kỳ 2022-2027, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

I. Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty có 3 thành viên, trong năm có sự thay đổi về nhân sự Ban kiểm soát (BKS) như sau:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	TG bắt đầu và TG thời nhiệm vụ BKS
1	Ô. Huỳnh Minh Tâm	1963	Trưởng ban KS chuyên trách	
2	Ô. Bùi Thanh Tâm	1975	TV BKS kiêm nhiệm	Miễn nhiệm 27/6/2022
3	Bà Trần Thị Thu Thủy	1967	TV BKS kiêm nhiệm	
4	Bà Nguyễn Minh Trang	1981	TV BKS kiêm nhiệm	Bổ nhiệm 27/6/2022

Ông Bùi Thanh Tâm vì lý do công tác đã từ nhiệm thành viên BKS từ ngày 27/6/2022 và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu bổ sung bà Nguyễn Minh Trang làm thành viên BKS từ ngày 27/6/2022.

Năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; chủ yếu vào một số trọng tâm sau:

Tổ chức thực hiện giám sát phân tích, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, công tác quản trị của Hội đồng quản trị (HDQT); công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, giám sát việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty;



Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2022.

Thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm của công ty, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy chế quản lý nội bộ công ty, quy định, quy chế Tập đoàn và các quy định pháp luật có liên quan. Tham gia việc rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định của công ty.

Ban kiểm soát đã giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, đầu tư, báo toàn và phát triển vốn; giám sát việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các hoạt động đấu thầu, đấu giá...

Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, tham dự các cuộc họp giao ban, tổng kết năm của công ty, thường xuyên liên hệ trao đổi thông tin với HĐQT, ban điều hành công ty và các phòng nghiệp vụ để nắm bắt tình hình hoạt động, trên cơ sở đó đề xuất ý kiến để khắc phục những rủi ro nếu có.

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 5 phiên họp, thảo luận và thống nhất nội dung đánh giá kết quả công tác và kết quả kiểm soát tại công ty và các đơn vị trực thuộc, trước khi gửi tới Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

Các tài liệu, thông tin, các quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đều được gửi đến BKS đầy đủ và kịp thời. Trong năm BKS không nhận được yêu cầu nào từ cổ đông.

II. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2022:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đã thẩm định và thống nhất với báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng Giám đốc công ty. Kết quả cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH
1	Diện tích vườn cây khai thác	ha	4.780,26	4.780,26	100,00
2	Sản lượng khai thác	tấn	8.895	10.897	122,5
3	Năng suất	tấn/ha	1,86	2,28	122,5
4	Sản lượng thu mua	tấn	3.000	3.293	109,76
5	Sản lượng tiêu thụ (kể cả thu mua)	tấn	12.000	13.884,2	115,7
6	Giá bán bình quân	ng. đ/tấn	38.83	38.63	99,48

7	Tổng doanh thu	Tr. đồng	910.061	853.917	93,83
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	325.785	250.872	77,01
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	260.628	204.633	78,52

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, chính sách Zero covid của Trung Quốc, chuỗi cung ứng đứt gãy, kinh tế thế giới biến động, lạm phát tăng cao dẫn đến hoạt động kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng theo. Tổng doanh thu 2022 công ty chỉ đạt 93,84% so với kế hoạch, chủ yếu hụt từ khoản doanh thu bồi thường thu hồi đất cao su 118,6 tỷ đồng chưa thực hiện, do ảnh hưởng từ kinh tế vĩ mô, các dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương chưa triển khai theo kế hoạch. Cũng từ yếu tố khách quan kể trên đã ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ năm 2022 chỉ đạt 77,01% so với kế hoạch; trong đó lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh cao su: 27,102 tỷ đồng, lợi nhuận hoạt động tài chính: 43,176 tỷ đồng; lợi nhuận từ cây cao su thanh lý, chế biến gỗ và hoạt động khác: 180,594 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 2022 đạt: 350,101 tỷ đồng, giảm 227,244 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

2. Hoạt động đầu tư:

a/ **Đầu tư xây dựng cơ bản:** Năm 2022, Công ty đã đầu tư các hạng mục theo kế hoạch; trong đó:

Đầu tư nông nghiệp: Trồng tái canh 395,95 ha; tỉ lệ cây sống đạt 100%, vườn cây sinh trưởng tốt, bình quân tầng lá đạt từ 5 tầng lá trở lên. Chi phí thực hiện: 11.003/11.517 triệu đồng, bằng 95,54% dự toán năm HĐQT phê duyệt.

Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản: 2.380,38 ha, tỷ lệ tăng vanh bình quân đạt và vượt so với quy trình kỹ thuật, tổng chi phí đầu tư chăm sóc cho vườn cây trong năm là: 16.009/19.249 triệu đồng, bằng 83,17% KH;

Tổng chi phí thực hiện đầu tư trồng và chăm sóc vườn cây KTCB tổng diện tích 2.776,33 ha cả năm là: 27.013 triệu đồng/30.766 triệu đồng KH; giảm so với dự toán HĐQT phê duyệt: 3.753 triệu đồng (chủ yếu tiết kiệm chi phí giống và trồng xen đã giảm được chi phí).

Đầu tư công trình XD/CB khác:

Tổng vốn đầu tư XD/CB khác thực hiện trong năm là: 34,474 tỷ, trên tổng vốn đầu tư được duyệt: 89,039 tỷ đồng. Đầu tư chủ yếu: hệ thống xử lý nước thải nhà máy chế biến, hệ thống cấp nước, xây dựng hạ tầng giao thông, kiến trúc phục vụ sản xuất,, hệ thống điện nước, mua sắm thiết bị nông nghiệp, xây dựng nhà máy chế biến Gỗ...

Tất cả các công trình đầu tư và mua sắm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định, không vượt so với dự toán phê duyệt. Các công trình chưa thực sự cần thiết đều được hoãn chuyển sang năm sau. Công trình đầu tư XD/CB, mua sắm TSCĐ sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao TSCĐ theo quy định.

b/ Đầu tư tài chính:

Năm 2022, Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty CP khu CN Bắc Đồng Phú tăng vốn điều lệ theo hình thức mua cổ phiếu phát hành thêm để đầu tư phát triển Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú giai đoạn II theo nghị quyết HĐQT số 96/NQHĐQT-CSĐP ngày 04/8/2022, thống nhất mua 5,1 triệu cổ phiếu với giá trị là 102 tỷ đồng.

Lũy kế đầu tư tài chính dài hạn đến 31/12/2022 của công ty là 1.045,817 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận từ chia cổ tức trong năm đạt trên 17 tỷ đồng.

3. Về tái cơ cấu công ty:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2022 về việc sáp nhập công ty cổ phần cao su Đồng Phú - Đăk Nông vào Công ty mẹ: Công ty đã hoàn thành phát hành 442.966 cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của cổ đông Đồng Phú - Đăk Nông vào ngày 24/02/2023, chính thức trở thành đơn vị trực thuộc của Cao su Đồng Phú kể từ 2023.

Trong năm Công ty cũng đã thực hiện xong việc sáp nhập Nông trường Tân Lợi vào Nông trường Tân Lập, giảm 01 đầu mối quản lý, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. Thẩm định Báo cáo tài chính công ty:

Ban Kiểm soát Công ty xác nhận

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty CP Cao su Đồng Phú được lập theo đúng các quy định của pháp luật, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, thể hiện đúng và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; phù hợp với kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện.

Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, Báo cáo tài chính của Công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

Đến 31/12/2022, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện theo báo cáo tài chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm +/- (%)
1	Tài sản ngắn hạn	982,102 tỷ đồng	848,271 tỷ đồng	-13,63
2	Tài sản dài hạn	1.421,882 tỷ đồng	1.492,741 tỷ đồng	+4,98
	Tổng tài sản	2.403,983 tỷ đồng	2.341,012 tỷ đồng	-2,62
3	Nợ phải trả	309,702 tỷ đồng	189,761 tỷ đồng	-38,73
4	Vốn chủ sở hữu	2.094,281 tỷ đồng	2.151,251 tỷ đồng	+2,72
	Tổng nguồn vốn	2.403,983 tỷ đồng	2.341,012 tỷ đồng	-2,62
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.812	4.759	- 45,99

Các chỉ số đánh giá hiệu quả:

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	4,47 lần
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	23,96%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu b/q (ROE)	9,64%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản b/q (ROA)	8,76%
- Hệ số bảo toàn vốn	1,027 lần

(Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán)

BKS đánh giá tình hình tài chính của công ty trong năm 2022 các chỉ số hiệu quả có giảm nhẹ so với năm 2021, tuy nhiên, kết quả của các chỉ số cơ bản về tỷ suất lợi nhuận, tình thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn; công ty bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu.

Năm 2022, Công ty đã tiến hành trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý; tổng số tiền: 98,770 tỷ đồng và chia cổ tức năm 2021 (35% mệnh giá) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số tiền: 150,500 tỷ đồng (15% tạm ứng trong năm 2021 và 20% thanh toán trong năm 2022).

IV. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 5 phiên họp, các thành viên HĐQT đều dự họp đầy đủ. Nội dung chương trình cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận đều thực hiện trên tinh thần dân chủ - tập trung, phát huy đầy đủ trách nhiệm của từng thành viên.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quyết định của Ban Tổng giám đốc được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của công ty và của cổ đông. Trong năm công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như giao dịch khác với các thành viên quản lý, điều hành công ty, công ty không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người có liên quan.

Công ty thực hiện tốt chính sách pháp luật về chế độ kế toán, thuế, pháp luật về bảo vệ môi trường, BHXH; thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với ngân sách Nhà nước kịp thời, đúng quy định. Là năm thứ 4 Công ty được chứng nhận là doanh nghiệp phát triển bền vững của Việt Nam

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh công ty con 2022:

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ (%)
-----	----------	---------------	----------------	-----------

I.	Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (VĐL điều chỉnh: 200 tỷ đồng, công ty sở hữu 51% vốn)			
1	Tổng doanh thu (triệu đồng)	103.160	122.760,4	119%
2	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	40.039	55.590,56	138,8%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	31.990	44.420,71	138,8%
II.	Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú (VĐL: 180 tỷ đồng, công ty sở hữu 76,83% vốn)			
1	Sản lượng nệm gối SX (cái)	48.197	65.599	136,1%
2	Sản lượng nệm gối tiêu thụ (cái)	52.202	78.664	150,7%
3	Tổng doanh thu (triệu đồng)	72.257	82.934	114,8%
4	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	1.513	-5.513,4	-364,4%
III.	Công ty CP Cao su Đồng Phú – Đắk Nông (VĐL: 120 tỷ đồng, công ty sở hữu 88,4% vốn)			
1	Diện tích khai thác (ha)	934,7	934,7	100%
2	Sản lượng khai thác (tấn)	1.260	1.349,14	107,1%
3	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	1.260	1.343,35	106,6%
4	Tổng doanh thu (triệu đồng)	56.020	55.827,54	99,7%
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	6.307,7	6.995,09	110,9%
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	5.677	6.852,43	120,7%
IV.	Công ty CP Cao su Đồng Phú – Kratie (VĐL: 900 tỷ đồng, công ty sở hữu: 58,34% vốn)			
1	Diện tích khai thác (ha)	5.108,07	5.108,07	100%
2	Sản lượng khai thác (tấn)	7.400	8.012,48	108,3%
3	Sản lượng thu mua (tấn)	60	84,4	140,7%
4	Sản lượng tiêu thụ, kể cả thu mua (tấn)	7.110	7.752,08	109,0%
5	Tổng doanh thu (triệu đồng)	266.837,81	275.842	103,4%
6	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	51.244,69	53.221,04	103,9%
7	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	51.244,69	52.707,5	102,9%

(Nguồn: BCTC năm 2022 đã kiểm toán)

Năm 2022 có 3/4 công ty con hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận, còn 1 công ty sản xuất hàng tiêu dùng (nệm gối), vẫn còn lỗ do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế.

Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát tổ chức 05 cuộc họp định kỳ để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của BKS. Các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định của Pháp luật, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Các báo cáo, kiến nghị của Ban kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát thống nhất với các đánh giá của HĐQT, Ban TGD trong báo cáo công tác quản lý điều hành công ty năm 2022.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Ban kiểm soát năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương & Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Huỳnh Minh Tâm	Trưởng BKS	435.117.312		435.117.312
2	Bùi Thanh Tâm	TV BKS		30.000.000	30.000.000
3	Nguyễn Minh Trang	TV BKS		30.000.000	30.000.000
3	Trần Thị Thu Thủy	TV BKS		60.000.000	60.000.000
	Tổng cộng:		435.117.312	120.000.000	555.117.312

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

Năm 2023, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của công ty thông qua các chỉ tiêu sản xuất, các Báo cáo tài chính, đồng thời có kế hoạch kiểm tra giám sát một số lĩnh vực cụ thể nhằm nắm bắt sâu sát hơn tình hình hoạt động, trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành công ty.

Năm 2023 dự báo sẽ còn nhiều khó khăn thách thức, do cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine kéo dài, kinh tế thế giới còn nhiều biến động khó lường, vì vậy đề nghị Hội đồng quản trị, ban điều hành công ty chủ động các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro. Ban kiểm soát đề nghị:

- Tăng cường quản lý kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí trong giá thành sản xuất, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch giá thành đã xây dựng.

- Tiếp tục rà soát cũng cố bộ máy tổ chức nhân sự phù hợp yêu cầu sản xuất kinh doanh và quy mô quản lý.

- Thường xuyên đánh giá lại hiệu quả các dự án đầu tư để có các quyết định phù hợp về tăng/thoái vốn đối với từng dự án, nhằm mục đích tối ưu hóa lợi nhuận của hoạt động đầu tư.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS năm 2023, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty CP Cao su Đồng Phú. Kính chúc quý đại biểu, quý cổ đông sức khỏe - thành đạt và hạnh phúc.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị Cty, Ban TGD;
- Lưu : VT, BKS.



Huỳnh Minh Tâm



Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022
(Đã kiểm toán)

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán như sau:

1. Thông qua BCTC tổng hợp năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện, ký ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2023; “đính kèm BCTC tổng hợp đã kiểm toán”).

Một số chỉ tiêu chính:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
I	Tổng tài sản đến 31/12/2022	2.341.012.637.249
1	Tài sản ngắn hạn	848.271.414.320
2	Tài sản dài hạn	1.492.741.222.929
II	Tổng nguồn vốn đến 31/12/2022	2.341.012.637.249
1	Nợ phải trả	189.761.364.222
2	Vốn chủ sở hữu	2.151.251.273.027
III	Kết quả kinh doanh năm 2022	
1	Tổng doanh thu	853.917.311.223
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	755.339.884.605
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	48.092.181.662
1.3	Doanh thu khác	50.485.244.956
2	Tổng chi phí	603.045.399.572
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	250.871.911.651
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.238.602.853
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	204.633.308.798



2. Thông qua BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện, ký ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2023; “đính kèm BCTC hợp nhất đã kiểm toán”).

Một số chỉ tiêu chính:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
I	Tổng tài sản đến 31/12/2022	4.164.860.326.412
1	Tài sản ngắn hạn	1.885.073.999.051
2	Tài sản dài hạn	2.279.786.327.361
II	Tổng nguồn vốn đến 31/12/2022	4.164.860.326.412
1	Nợ phải trả	1.173.569.060.380
2	Vốn chủ sở hữu	2.991.291.266.032
III	Kết quả kinh doanh năm 2022	
1	Tổng doanh thu	1.333.353.668.654
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.210.731.831.577
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	67.658.674.202
1.3	Doanh thu khác	54.963.162.875
2	Tổng chi phí	983.252.432.543
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	350.101.236.111
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.460.511.421
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.450.377.381
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	291.190.347.309

Trong trường hợp Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự điều chỉnh chỉ tiêu liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022, giao cho Hội đồng quản trị thực hiện rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu, báo cáo và đồng thời báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất theo đúng các quy định của pháp luật.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Huỳnh Nhật

Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 3

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú;

Căn cứ danh sách Công ty Kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023 của UBCK Nhà nước;

Qua xem xét uy tín, chất lượng và giá cả dịch vụ kiểm toán, Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn 01 trong 03 đơn vị sau là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

- + Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như trên.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Huỳnh Minh Tâm

Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 4
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú;

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được kiểm;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022	250.872
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022	46.239
3	Lợi nhuận còn lại sau thuế năm 2022	204.633
4	Phân phối lợi nhuận trong năm 2022	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	365.886
	+ Lợi nhuận sau thuế lũy kế cuối kỳ trước	161.253
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022	204.633
	- Trích quỹ đầu tư phát triển 30%LNST	61.389
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (02 tháng lương)	32.762
	- Trích quỹ khen thưởng người quản lí DN (01 tháng lương)	301
	- Chia cổ tức (30%VDL) "Trường hợp khi Công ty tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1 trước khi chốt danh sách chia cổ tức thì tỷ lệ chia cổ tức là 15%/VDL."	130.329
5	Lợi nhuận còn lại:	141.105

Giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và triển khai thực hiện việc trích lập các Quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo các quy định hiện hành.

Kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Mai Huỳnh Nhật

Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 5
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 với các nội dung cơ bản như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2023
1	Diện tích vườn cây cao su tự khai thác	Ha	4.893,43
2	Diện tích vườn cây KTCB	Ha	2.430,95
3	Diện tích vườn cây tái canh	Ha	399,79
4	Sản lượng cao su tự khai thác	tấn	9.528
5	Sản lượng thu mua	tấn	3.000
6	Sản lượng chế biến	tấn	13.500
7	Sản lượng tiêu thụ	tấn	13.000
8	Năng suất bình quân	tấn/ha	1,95
9	Giá bán bình quân	trđ/tấn	38,28
10	Giá thành bình quân	trđ/tấn	33,27
11	Sản lượng gỗ phối sản xuất trong kỳ	m ³	9.000
12	Sản lượng gỗ phối tiêu thụ trong kỳ	m ³	9.500
13	Tổng doanh thu	Trđ	819.656
13	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	Trđ	275.019
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	Trđ	220.015
15	Vốn đầu tư XD CB & ĐTTC	Trđ	314.440
16	Thu nhập bình quân/người/tháng	Trđ	8,0

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 (nếu có) phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty và cổ đông.



II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ước đạt 220.015 triệu đồng, được phân phối như sau:

- + Trích Quỹ Đầu tư phát triển tối đa: 30% LNST
- + Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi: tương đương 03 tháng lương thực trả
- + Chia cổ tức: tối thiểu 15%/mệnh giá (sau khi tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1).
- + Trích Quỹ thưởng Người quản lý DN: tối đa 1,5 tháng lương thực hiện.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Huỳnh Nhật

Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 6
BÁO CÁO THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ mức chi trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua;

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội như sau:

1. Tổng thù lao và phụ cấp chi trả cho các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 là 316.800.000 đồng.

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao & Phụ cấp	Ghi chú
1	Hồ Cường	TV HĐQT_TGD	24.000.000	
2	Huỳnh Trọng Thủy	TV HĐQT_Phó TGD	24.000.000	
3	Phạm Phi Điều	TV HĐQT	74.400.000	
4	Trần Thị Kim Thanh	TV HĐQT	37.200.000	
5	Nguyễn Ngọc Thanh	TV HĐQT	37.200.000	
6	Bùi Thanh Tâm	TV BKS	30.000.000	
7	Nguyễn Minh Trang	TV BKS	30.000.000	
8	Trần Thị Thu Thủy	TV BKS	60.000.000	
	Tổng cộng		316.800.000	

2. Kế hoạch chi trả thù lao và phụ cấp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023:

Tổng mức chi đề nghị: Tương đương mức thù lao của năm 2022, và mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Mai Huỳnh Nhật

Bình Phước, ngày 06 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 7

Tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-ĐHĐCĐCSDP nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 29/6/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-ĐHĐCĐCSDP nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 27/6/2022.

Ủy quyền cho HĐQT tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 & 2022 biểu quyết thông qua, với các nội dung cơ bản như sau:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền.

- Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền.

Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu hiện hành: 43.442.966 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 43.442.966 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 43.442.966 cổ phiếu.
- Tổng giá trị dự kiến phát hành (theo mệnh giá) 434.429.660.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền 1:1 (tương ứng với tỷ lệ phát hành 100% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành).

- Nguồn vốn sử dụng để phát hành: Từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được kiểm toán và đảm bảo đủ nguồn theo BCTC kỳ gần nhất.

- Thời gian triển khai: sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, thực hiện bổ sung, điều chỉnh phương án phù hợp với tình hình thực tế, hoặc theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý nhà nước, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (nếu có), nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và Công ty.

Kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Mai Huỳnh Nhật

QUY CHẾ
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú có tên trong danh sách tại thời điểm ngày 29/05/2023 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền họp lệ tham dự cuộc họp).

b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để nhận tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự phiên họp không được ủy quyền cho người khác tham dự phiên họp.

d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham gia dự họp cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Tổ thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

g) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.



h) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

i) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

k) Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức Đại hội về các biện pháp đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh Covid 19 như đeo khẩu trang, sát khuẩn tay.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm 05 thành viên do Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty làm Chủ tọa.

2. Đoàn Chủ tịch Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Đoàn chủ tịch điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

3. Đoàn Chủ tịch Đại hội có các nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua.

- Đề cử Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu Đại hội.

- Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận.

- Trình dự thảo và kết luận các vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

- Chủ tọa thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký tên vào Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 thành viên do Công ty chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; Phát tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban thư ký Đại hội

1. Đoàn chủ tịch giới thiệu Ban thư ký gồm 02 thành viên.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu góp ý kiến của cổ đông.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 05 thành viên do Đoàn chủ tịch Đại hội cổ đông đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;
- b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung; Báo cáo kết quả biểu quyết và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông.

Điều 8. Biểu quyết tại đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội cổ đông đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng **Thẻ biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết;

- Mỗi cổ đông được cấp 01 **Thẻ biểu quyết** trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú ở góc trái phía trên.

2. Thẻ lệ biểu quyết: **Thẻ biểu quyết** được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết Thông qua các nội dung:

2.1. Các nội dung thông qua Đại hội bằng hình thức giơ **Thẻ biểu quyết**:

- Chương trình Đại hội;
- Quy chế họp của Đại hội;
- Ban Kiểm phiếu;
- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (*Tờ trình số 1*);
- Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023;
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2022 (*Tờ trình số 2*);
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (*Tờ trình số 3*);
- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (*Tờ trình số 4*);
- Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2023 (*Tờ trình số 5*);

- Tờ trình thông qua báo cáo mức chi trả thù lao năm 2022 và Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 (Tờ trình số 6);

- Tờ trình về việc tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (Tờ trình số 7);

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội;

- Thông qua Nghị quyết Đại hội.

- Và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị.

2.2. Quy định biểu quyết bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết**: Việc thông qua biểu quyết các nội dung trên được Chủ tọa hướng dẫn tiến hành giơ **Thẻ biểu quyết**: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

3. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là các Thẻ không do Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú phát hành và không có dấu của Công ty.

4. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các vấn đề được biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ trên 50% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

Điều 9. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua bằng hình thức biểu quyết trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm có 04 chương, 10 điều được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tiến hành Đại hội.

Cổ đông, người đại diện nhóm cổ đông tham dự Đại hội, Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế họp của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo khoản 7, Điều 146 của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

**BAN TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



Mai Huỳnh Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Trụ sở chính : Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 84-(271) 381 97 86
- Fax : 84-(271) 381 96 20

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 3800100376 ngày 12/07/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ Bỏ nhiệm
Ông Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	
Ông Hồ Cường	Thành viên	
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Thành viên	
Ông Phạm Phi Điều	Thành viên	
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ Bỏ nhiệm
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	
Ông Bùi Thanh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ Bỏ nhiệm
Ông Hồ Cường	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15/02/2022
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Minh Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:
Ông Mai Huỳnh Nhật - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Hồ Cường được ông Mai Huỳnh Nhật ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 102/GUQ-HĐQTCSĐP ngày 02 tháng 07 năm 2018.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh tổng hợp

Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính tổng hợp vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 05/GCN-UBCK ngày 16/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, với các nội dung chính như sau:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được phát hành: 443.025 Cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đăk Nông;
- Tổng giá trị Cổ phiếu phát hành để hoán đổi theo mệnh giá: 4.430.250.000 VND;
- Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu hoán đổi có hiệu lực;
- Phương thức phân phối: Cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đăk Nông (theo phương án nêu trong Bản cáo bạch).

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, tình hình hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

8. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Cường

Tổng Giám đốc

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2023



Số: 054/2023/BCKTTH-PB.00307

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 0855 - 2023 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2023

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2019 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		848.271.414.320	982.101.548.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	238.575.921.867	473.284.786.190
1. Tiền	111		32.301.370.302	51.888.980.595
2. Các khoản tương đương tiền	112		206.274.551.565	421.395.805.595
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		454.230.831.683	364.840.070.015
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	454.230.831.683	364.840.070.015
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.648.253.266	25.981.130.714
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.932.014.959	10.610.831.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.184.204.054	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	9.532.034.253	15.370.299.284
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	93.505.648.933	115.264.920.493
1. Hàng tồn kho	141		99.688.369.729	115.264.920.493
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.182.720.796)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.310.758.571	2.730.640.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	231.344.811	943.222.840
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	36.079.413.760	1.787.418.032
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.492.741.222.929	1.421.881.659.158
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.700.000.000	39.500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.700.000.000	39.500.000.000
II. Tài sản cố định	220		352.345.775.206	356.587.808.160
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	351.878.342.469	356.143.374.648
- Nguyên giá	222		843.864.323.784	825.933.800.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(491.985.981.315)	(469.790.425.474)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	467.432.737	444.433.512
- Nguyên giá	228		1.523.303.509	1.363.303.509
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.055.870.772)	(918.869.997)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		129.971.442.055	104.557.923.384
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	129.971.442.055	104.557.923.384
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.005.102.323.534	917.328.301.346
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.12	918.084.000.000	816.084.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.12	127.733.870.000	127.733.870.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.12	(52.015.546.466)	(47.789.568.654)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	11.300.000.000	21.300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.621.682.134	3.907.626.268
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.621.682.134	3.907.626.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.341.012.637.249	2.403.983.207.442

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

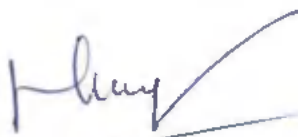
Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		189.761.364.222	309.701.803.489
I. Nợ ngắn hạn	310		189.761.364.222	309.701.803.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	967.814.569	807.137.071
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.634.581.221	3.430.667.495
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	1.009.936.672	27.351.701.920
4. Phải trả người lao động	314		69.561.071.060	106.465.733.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	444.263.683	128.360.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	30.116.608.911	7.215.248.326
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	25.210.347.582	96.825.533.901
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60.816.740.524	67.477.421.713
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.151.251.273.027	2.094.281.403.953
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	2.153.853.372.447	2.096.100.063.649
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.000.000.000	430.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.000.000.000	430.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.990.522.453	191.990.522.453
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.165.976.495.402	1.128.086.362.775
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		365.886.354.592	346.023.178.421
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		161.253.045.794	31.621.852.151
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		204.633.308.798	314.401.326.270
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.19	(2.602.099.420)	(1.818.659.696)
1. Nguồn kinh phí	431		(2.602.099.420)	(1.818.659.696)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.341.012.637.249	2.403.983.207.442



Người lập biểu

Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Huy



Tống Giám đốc

Hồ Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2022	2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	755.339.884.605	810.557.991.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	411.300.288
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.3	755.339.884.605	810.146.691.634
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	530.050.726.683	535.260.186.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		225.289.157.922	274.886.504.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	48.092.181.662	34.337.264.522
7. Chi phí tài chính	22	6.6	4.783.427.277	21.231.362.635
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	5.858.710.751	5.233.238.964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	50.425.255.769	46.537.923.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		212.313.945.787	236.221.244.027
11. Thu nhập khác	31	6.9	50.485.244.956	260.022.657.719
12. Chi phí khác	32	6.10	11.927.279.092	26.819.083.693
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		38.557.965.864	233.203.574.026
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		250.871.911.651	469.424.818.053
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	46.238.602.853	90.523.491.783
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		204.633.308.798	378.901.326.270



Người lập biểu

Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc

Hồ Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	855.522.505.417	1.099.231.411.089
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(169.631.791.867)	(360.740.813.202)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(277.475.090.628)	(275.405.665.125)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(93.000.000.000)	(62.815.295.643)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	72.276.795.524	41.338.377.107
6. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(286.659.383.436)	(81.216.166.615)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	101.033.035.010	360.391.847.611
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(64.053.749.796)	(36.831.923.539)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	113.425.926	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(440.391.872.859)	(283.124.344.167)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	373.749.235.915	126.787.780.822
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(102.000.000.000)	(1.800.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.968.043.181	36.662.633.988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(185.614.917.633)	(158.305.852.896)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	171.431.092.330
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(150.126.048.300)	(162.380.438.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.126.048.300)	9.050.653.880
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(234.707.930.923)	211.136.648.595
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	473.284.786.190	262.148.652.591
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(933.400)	(514.996)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	238.575.921.867	473.284.786.190

Người lập biểu
Võ Duy Hương
Bình Phước, Việt Nam
Ngày 16 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Hồ Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo Quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 3800100376 ngày 12/07/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 430.000.000.000 VND (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng); Tổng số cổ phần là 43.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm từ mủ cao su.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su (Trồng và chế biến mủ cao su; Thanh lý vườn cây cao su);
- Chăn nuôi gia cầm;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại (Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp);
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, kinh doanh địa ốc);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Công nghiệp hóa chất phân bón); Chăn nuôi trâu, bò;
- Bàn buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán gỗ cao su);
- Khai thác gỗ (Khai thác gỗ cao su);
- Mua bán xuất nhập khẩu mủ cao su các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

1.5 Cấu trúc của Công ty**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su An Bình	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Cao su Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Lợi	Xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Thành	Xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
XI nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nhà máy chế biến mủ Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Chế biến gỗ	Áp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	88,41%	88,41%
Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	51,00%	51,00%
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất nệm cao su	76,83%	76,83%
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	58,37%	58,37%

Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh khách sạn	5,39%	5,39%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	0,20%	0,20%
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Tỉnh Kon Tum	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	10,21%	10,21%
Công ty CP Cac su Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,70%	11,70%
Công ty CP BOT Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,32%	11,32%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 2.531 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.428 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá ghi nhận đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,00
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05
Tài sản cố định vô hình khác	05 - 10

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh***Tài sản đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng

kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu và doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí cháo hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhận viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhận viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bãi; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - ĐN

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phàn bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	358.788.812	618.179.298
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.942.581.490	51.270.801.297
Các khoản tương đương tiền (i)	206.274.551.565	421.395.805.595
Cộng	238.575.921.867	473.284.786.190

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 3,5% - 6,0%/năm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	454.230.831.683	454.230.831.683	364.840.070.015	364.840.070.015
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	454.230.831.683	454.230.831.683	364.840.070.015	364.840.070.015
Dài hạn	11.300.000.000	11.300.000.000	21.300.000.000	21.300.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (ii)	11.300.000.000	11.300.000.000	11.300.000.000	11.300.000.000
- Trái phiếu (iii)	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	465.530.831.683	465.530.831.683	386.140.070.015	386.140.070.015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

(i) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2022:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	06 tháng	7% - 8%	70.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sài Gòn	06 tháng	6,1% - 6,4%	56.923.857.268
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - PGD Phú Nhuận	06 tháng	5,00%	21.012.499.156
Nông thôn Việt Nam - CN Đông Long An	12 tháng	5,00%	
Ngân hàng Phát triển Bình Phước	12 tháng	4,50%	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN TP Hồ Chí Minh	06 tháng	5,6% - 8,6%	202.208.507.996
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước	06 tháng	3,70%	27.607.394.246
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Bình Phước	06 tháng	7,10%	6.754.255.917
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - PGD Thuận Lợi Bình Phước	06 tháng	3,7% - 7,2%	59.724.317.100
Cộng			454.230.831.683

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2022:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Bình Phước	13 tháng	6,00%	11.300.000.000
Cộng			11.300.000.000

(iii) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn 10 năm, số lượng 1.000 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất thả nổi.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	834.193.500	-
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	834.193.500	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	12.097.821.459	10.610.831.430
Weber & Schaefer GMBH & Co	4.244.855.706	3.320.445.429
Nguyễn Văn Đặng	1.688.371.987	-
Century Winner International Co., LTD	-	1.691.000.640
Công ty TNHH MTV Gỗ Băm Thiên Bình	876.007.718	-
Chi nhánh Cty TNHH MTV Gỗ Nông Nghiệp	5.067.168.515	4.710.911.188
Các khách hàng khác	221.417.533	888.474.173
Cộng	12.932.014.959	10.610.831.430

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3.184.204.054	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Thương mại Phát triển	2.318.158.604	-
Công ty TNHH MTV Thái Lai Bình Phước	430.987.800	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	435.057.650	-
Cộng	3.184.204.054	-

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	255.693.000	-	7.905.693.000	-
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	255.693.000	-	255.693.000	-
Công ty CP KCN Bắc Đông Phú tiền cổ tức	-	-	7.650.000.000	-
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>	9.276.341.253	-	7.464.606.284	-
Tạm ứng	3.279.678.621	-	1.888.145.469	-
Ký cược, ký quỹ	340.000.000	-	540.000.000	-
Phải thu lãi TGNH	5.655.477.572	-	4.969.123.326	-
Phải thu khác	1.185.060	-	67.337.489	-
Cộng	9.532.034.253	-	15.370.299.284	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	1.700.000.000	-	39.500.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	1.700.000.000	-	39.500.000.000	-
Cộng	1.700.000.000	-	39.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.974.364.139	-	9.821.278.808	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	6.754.455.753	-	5.599.010.723	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.410.689.750	-	1.840.196.555	-
Chi phí SXKD dở dang	22.481.423.358	-	21.125.490.216	-
Thành phẩm tồn kho	63.431.036.224	(6.182.720.796)	69.449.545.125	-
Hàng hóa tồn kho	6.122.000	-	10.558.000	-
Hàng gửi đi bán	630.278.505	-	7.418.841.066	-
Cộng	99.688.369.729	(6.182.720.796)	115.264.920.493	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	124.642.993	50.847.727
Chi phí bảo hiểm	-	50.955.291
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	106.701.818	841.419.822
Cộng	231.344.811	943.222.840

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	688.849.119	596.074.592
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.430.062.122	1.343.535.897
Chi phí gia công, pallet	-	438.496.671
Chi phí khai thác tài nguyên	231.772.232	260.743.760
Chi phí chứng chỉ rừng bền vững	1.270.998.661	1.209.922.399
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	58.852.949
Cộng	3.621.682.134	3.907.626.268

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế tài nguyên	6.040.823	-	64.313.952	64.306.880	6.033.751	-
Thuế giá trị gia tăng	314.683.694	2.205.820.056	22.394.405.880	27.307.385.052	3.021.842.810	-
- Tại văn phòng Công ty	-	2.205.820.056	16.835.719.066	20.116.499.838	1.074.960.716	-
- Tại chi nhánh Gỗ	314.683.694	-	5.558.686.814	7.190.885.214	1.946.882.094	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.936.184	2.085.549.404	3.880.840.665	4.182.814.861	5.779.008	1.787.418.032
- Tại văn phòng Công ty	-	2.085.549.404	3.852.021.718	4.150.153.090	-	1.787.418.032
- Tại chi nhánh Gỗ	1.936.184	-	28.818.947	32.661.771	5.779.008	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	687.275.971	24.222.921.986	46.238.602.853	93.000.000.000	23.225.751.132	-
- Tại văn phòng Công ty	-	24.222.921.986	45.551.326.882	93.000.000.000	23.225.751.132	-
- Tại chi nhánh Gỗ	687.275.971	-	687.275.971	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	7.565.122.314	25.017.003.735	33.674.421.268	1.092.295.219	-
Các loại thuế khác	-	-	35.396.098	35.396.098	-	-
Cộng	1.009.936.672	36.079.413.760	97.635.563.183	158.269.324.159	27.351.701.920	1.787.418.032

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, hàng hóa và dịch vụ khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2019 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, Văn bản số 2821/TCT-DNL ngày 19/07/2018 và Văn bản số 3941/TCT-DNL ngày 15/10/2018 của Tổng Cục Thuế về việc ưu đãi thuế suất đối với hoạt động chế biến nông sản, theo đó:

- Thu nhập từ hoạt động trồng trọt, khai thác mủ cao su tươi thì phần thu nhập này được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thuế suất 10%;
- Thu nhập của hoạt động sơ chế hoặc gia công sơ chế mủ cao su (bao gồm cả tự trồng và thu mua của tiểu điền) thành các sản phẩm được xác định là mủ cao su sơ chế theo hướng dẫn tại Công văn số 7193/BTC-TCT ngày 30/04/2014 của Bộ Tài Chính thì khoản thu nhập này không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chế biến nông sản;
- Thu nhập từ hoạt động thu mua mủ cao su về để bán thì thu nhập từ hoạt động này không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh chế biến Gỗ được hưởng ưu đãi theo các nội dung sau :

- Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2019 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính
- Căn cứ theo Công văn số 02/2020/CBG ngày 23/03/2020 của Chi nhánh Chế biến Gỗ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú gửi Cục Thuế Tỉnh Bình Phước về việc đăng ký áp dụng miễn thuế TNDN từ năm 2020 và Công văn số 3073/CT-TTHT ngày 28/10/2019 của Cục thuế tỉnh Bình Phước gửi Chi nhánh chế biến Gỗ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú về việc trả lời chính sách về ưu đãi thuế TNDN: "*Chi nhánh Chế biến Gỗ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được thành lập để thực hiện dự án đầu tư mới hoạt động độc lập và thực hiện sản xuất kinh doanh tại huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và không thuộc các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC được ưu đãi thuế suất 17% trong 10 năm tính từ thời điểm 01/01/2020, miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 04 năm tiếp theo.*"

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây kinh doanh	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2022	269.553.133.140	92.037.166.055	74.958.471.978	6.660.525.916	382.724.503.033	825.933.800.122
- Đầu tư XDCB hoàn thành	21.150.773.566	-	-	-	15.733.119.061	36.883.892.627
- Mua trong năm	-	1.330.222.222	-	87.727.273	-	1.417.949.495
- Thanh lý, nhượng bán	(332.440.483)	(113.465.883)	(971.665.367)	(769.382.209)	(18.184.364.518)	(20.371.318.460)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>290.371.466.223</u>	<u>93.253.922.394</u>	<u>73.986.806.611</u>	<u>5.978.870.980</u>	<u>380.273.257.576</u>	<u>843.864.323.784</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2022	192.340.541.098	75.406.777.804	63.475.034.926	6.292.618.486	132.275.453.160	469.790.425.474
- Khấu hao trong năm	12.049.651.764	2.755.472.685	3.432.891.450	98.106.219	16.715.786.760	35.051.908.878
- Thanh lý, nhượng bán	(332.440.483)	(113.465.883)	(971.665.367)	(769.382.209)	(10.669.399.095)	(12.856.353.037)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>204.057.752.379</u>	<u>78.048.784.606</u>	<u>65.936.261.009</u>	<u>5.621.342.496</u>	<u>138.321.840.825</u>	<u>491.985.981.315</u>
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2022	77.212.592.042	16.630.388.251	11.483.437.052	367.907.430	250.449.049.873	356.143.374.648
- Tại ngày 31/12/2022	<u>86.313.713.844</u>	<u>15.205.137.788</u>	<u>8.050.545.602</u>	<u>357.528.484</u>	<u>241.951.416.751</u>	<u>351.878.342.469</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
- Tại ngày 01/01/2022	130.640.298.898	67.794.959.327	43.041.892.268	5.944.671.373	44.835.138.976	292.256.960.842
- Tại ngày 31/12/2022	<u>136.987.145.871</u>	<u>67.725.693.444</u>	<u>51.447.600.336</u>	<u>5.448.070.982</u>	<u>46.334.923.646</u>	<u>307.943.434.279</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - ĐN

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.170.000.000	193.303.509	1.363.303.509
- Mua trong năm	160.000.000	-	160.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>1.330.000.000</u>	<u>193.303.509</u>	<u>1.523.303.509</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2022	817.620.252	101.249.745	918.869.997
- Khấu hao trong năm	117.565.785	19.434.990	137.000.775
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>935.186.037</u>	<u>120.684.735</u>	<u>1.055.870.772</u>
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2022	352.379.748	92.053.764	444.433.512
- Tại ngày 31/12/2022	<u>394.813.963</u>	<u>72.618.774</u>	<u>467.432.737</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
- Tại ngày 01/01/2022	590.000.000	-	590.000.000
- Tại ngày 31/12/2022	<u>590.000.000</u>	<u>-</u>	<u>590.000.000</u>

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Vườn cây kiến thiết cơ bản	114.729.208.688	100.885.428.321
Vườn cây tái canh năm 2014	-	2.149.052.334
Vườn cây tái canh năm 2015	-	13.089.029.685
Vườn cây tái canh năm 2016	16.973.794.909	15.240.289.828
Vườn cây tái canh năm 2017	13.670.798.404	12.032.691.440
Vườn cây tái canh năm 2018	23.463.073.269	20.416.316.236
Vườn cây tái canh năm 2019	16.422.619.203	13.992.256.117
Vườn cây tái canh năm 2020	15.352.555.879	12.228.102.747
Vườn cây tái canh năm 2021	15.118.970.596	11.083.026.232
Vườn cây tái canh năm 2022	11.108.153.444	104.359.000
Vườn cây tái canh năm 2022 (trồng lấy gỗ)	1.532.228.281	-
Vườn cây tái canh năm 2023	102.749.074	-
Rừng trồng xen năm 2021	984.265.629	550.304.702
Chi phí đầu tư các công trình xây dựng	15.242.233.367	3.672.495.063
Chi phí xây dựng kiến trúc	8.674.248.893	459.941.887
Đường giao thông, đập thủy lợi	4.006.399.074	474.794.557
Các chi phí kiến thiết cơ bản khác	2.561.585.400	2.737.758.619
Cộng	<u>129.971.442.055</u>	<u>104.557.923.384</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.12 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	918.084.000.000	(33.130.045.178)	249.309.150.000	816.084.000.000	(28.893.863.570)	254.613.600.000
Công ty CP Cao su Đồng Phú						
Đắk Nông	106.089.000.000	-	249.309.150.000	106.089.000.000	-	254.613.600.000
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	153.000.000.000	-	(i)	51.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	133.995.000.000	(33.130.045.178)	(i)	133.995.000.000	(28.893.863.570)	(i)
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	525.000.000.000	-	(i)	525.000.000.000	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	127.733.870.000	(18.885.501.288)	-	127.733.870.000	(18.895.705.084)	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	19.895.870.000	(18.772.648.093)	(i)	19.895.870.000	(18.782.851.889)	(i)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	1.500.000.000	-	(i)	1.500.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Sa Thầy	71.277.000.000	-	(i)	71.277.000.000	-	(i)
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	24.611.000.000	(112.853.195)	(i)	24.611.000.000	(112.853.195)	(i)
Công ty CP BOT Bình Phước	10.450.000.000	-	(i)	10.450.000.000	-	(i)
Cộng	1.045.817.870.000	(52.015.546.466)	249.309.150.000	943.817.870.000	(47.789.568.654)	254.613.600.000

Giá trị hợp lý

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Thuyết minh số 8.1.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	967.814.569	967.814.569	807.137.071	807.137.071
Công ty TNHH MTV Tổng Hợp Bình Phước	345.135.847	345.135.847	334.313.879	334.313.879
Công ty TNHH MTV xây dựng cầu đường Thăng Long	54.600.000	54.600.000	-	-
Chi nhánh Cty TNHH MTV Gỗ Nông Nghiệp	352.738.908	352.738.908	188.465.970	188.465.970
Công ty TNHH MTV Thái Lai Bình Phước	-	-	115.974.000	115.974.000
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Phát Đạt	-	-	87.748.768	87.748.768
Phải trả khách hàng khác	215.339.814	215.339.814	80.634.454	80.634.454
Cộng	967.814.569	967.814.569	807.137.071	807.137.071

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.634.581.221	3.430.667.495
Công ty TNHH Auntex	-	552.930.000
Công ty TNHH DV TM Nguyễn Thái Dương	-	578.776.584
Công ty TNHH MTV Đặng Thái Gia	651.974.400	-
Công ty TNHH MTV Thăng Thăng Lợi	627.078.284	-
Công ty TNHH Ngô Vương	197.526.488	-
Bảo Hiểm Xã Hội Huyện Đồng Phú	105.975.546	-
Hộ kinh doanh Thiêm Kiều	49.022.183	1.051.868.523
Hợp tác xã Thanh Bình	-	932.771.800
Các khách hàng khác	3.004.320	314.320.588
Cộng	1.634.581.221	3.430.667.495

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	125.000.000	125.000.000
Chi phí phải trả khác	319.263.683	3.360.000
Cộng	444.263.683	128.360.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	30.116.608.911	7.215.248.326
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	30.116.608.911	7.215.248.326
Cộng	30.116.608.911	7.215.248.326

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	930.248.795	65.056.297.095
Cổ tức, lợi nhuận phải trả - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	36.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	930.248.795	29.056.297.095
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	24.280.098.787	31.769.236.806
Nhận ký quỹ, ký cược	4.440.910.845	4.601.002.300
Kinh phí công đoàn	259.244.237	242.742.162
Bảo hiểm xã hội	71.098.189	65.608.191
Phải trả Ban Quản lý khu kinh tế Bình Phước	16.447.927.120	16.447.927.120
Phải trả tiền mua mũ cao su tiêu điển tại các Nông trường	2.317.967.653	3.665.012.194
Phải trả Công ty TNHH Thương mại NOCHY - Chi nhánh Bình Phước	-	5.336.297.176
Công ty TNHH MTV TM DV KT Minh Phát	414.426.150	941.210.348
Phải trả khác	328.524.593	469.437.315
Cộng	25.210.347.582	96.825.533.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước						
Số dư tại ngày 01/01/2021	430.000.000.000	147.271.822.000	(126.980.054.347)	1.113.425.927.937	171.224.286.989	1.734.941.982.579
Tăng trong năm trước	-	44.718.700.453	126.980.054.347	14.660.434.838	378.901.326.270	565.260.515.908
Lãi trong năm trước					378.901.326.270	378.901.326.270
Phân phối lợi nhuận				14.660.434.838		14.660.434.838
Tăng do bán cổ phiếu quỹ		44.718.700.453	126.980.054.347			171.698.754.800
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(204.102.434.838)	(204.102.434.838)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(14.660.434.838)	(14.660.434.838)
Chia cổ tức					(64.500.000.000)	(64.500.000.000)
Tạm ứng cổ tức					(64.500.000.000)	(64.500.000.000)
Trích quỹ KTPL					(60.160.000.000)	(60.160.000.000)
Trích thưởng người QLDN					(282.000.000)	(282.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	430.000.000.000	191.990.522.453	-	1.128.086.362.775	346.023.178.421	2.096.100.063.649
Năm nay						
Số dư tại ngày 01/01/2022	430.000.000.000	191.990.522.453	-	1.128.086.362.775	346.023.178.421	2.096.100.063.649
Tăng trong năm	-	-	-	37.890.132.627	204.633.308.798	242.523.441.425
Lãi trong năm					204.633.308.798	204.633.308.798
Phân phối lợi nhuận (i)				37.890.132.627		37.890.132.627
Giảm trong năm	-	-	-	-	(184.770.132.627)	(184.770.132.627)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)					(37.890.132.627)	(37.890.132.627)
Chia cổ tức (i)					(86.000.000.000)	(86.000.000.000)
Trích quỹ KTPL (i)					(60.376.000.000)	(60.376.000.000)
Trích thưởng người QLDN (i)					(504.000.000)	(504.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	430.000.000.000	191.990.522.453	-	1.165.976.495.402	365.886.354.592	2.153.853.372.447

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 73/NQ-ĐHĐCĐCSĐP ngày 27/06/2022, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Trích 10% quỹ đầu tư phát triển: 37.890.132.627 VND;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 60.376.000.000 VND;
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp: 504.000.000 VND;
- Chia cổ tức 35% mệnh giá, trong đó: 15% được tạm ứng năm 2021 và 20% thanh toán trong năm 2022.

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	240.000.000.000	240.000.000.000
Các cổ đông khác	190.000.000.000	190.000.000.000
Cộng	430.000.000.000	430.000.000.000

5.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.000.000.000	430.000.000.000
Vốn góp tại ngày đầu năm	430.000.000.000	430.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	430.000.000.000	430.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	86.000.000.000	129.000.000.000

5.18.4 Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.000.000	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.18.5 Phân phối lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	346.023.178.421	171.224.286.989
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	204.633.308.798	378.901.326.270
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được phân phối trong năm	550.656.487.219	550.125.613.259
Phân phối các quỹ và chia lợi nhuận, trong đó:	(184.770.132.627)	(204.102.434.838)
- Chia cổ tức	(86.000.000.000)	(64.500.000.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	(64.500.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(37.890.132.627)	(14.660.434.838)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(60.376.000.000)	(60.160.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng người QLĐN	(504.000.000)	(282.000.000)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	365.886.354.592	346.023.178.421

5.18.6 Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.165.976.495.402	1.128.086.362.775
Cộng	1.165.976.495.402	1.128.086.362.775

5.19 Nguồn kinh phí

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguồn kinh phí đầu năm	(1.818.659.696)	(7.606.816.789)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.818.659.696	7.606.816.789
Chi sự nghiệp	(2.602.099.420)	(1.818.659.696)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(2.602.099.420)	(1.818.659.696)

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

	31/12/2022	01/01/2022
a. Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (tấn)	1.125,65	621,00
- Mủ Latex HA	565,39	87,00
- Mủ SVR CV 60	-	120,96
- Mủ SVR 3L	60,48	100,80
- Mủ SVR 5	67,17	-
- Mủ Skim	30,00	30,00
- Mủ RSS	22,47	181,44
- Mủ gia công cho bên ngoài	380,14	100,80
b. Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	1.571,11	1.275,65

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán mũ cao su thành phẩm	550.639.732.863	573.626.303.294
Doanh thu bán cây cao su thanh lý	141.487.841.615	122.342.938.994
Doanh thu dịch vụ gia công mũ cao su	3.558.930.350	1.816.632.000
Doanh thu mũ tận thu	945.142.500	2.399.095.100
Doanh thu hoạt động chế biến gỗ	56.853.528.277	108.510.216.534
Doanh thu từ hoạt động khác	1.854.709.000	1.862.806.000
Cộng	755.339.884.605	810.557.991.922

Doanh thu với các bên liên quan: Thuyết minh số 8.1.2

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	-	411.300.288
Cộng	-	411.300.288

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu thuần bán mũ cao su thành phẩm	550.639.732.863	573.215.003.006
Doanh thu thuần bán cây cao su thanh lý	141.487.841.615	122.342.938.994
Doanh thu thuần dịch vụ gia công mũ cao su	3.558.930.350	1.816.632.000
Doanh thu thuần bán mũ tận thu	945.142.500	2.399.095.100
Doanh thu thuần hoạt động chế biến gỗ	56.853.528.277	108.510.216.534
Doanh thu thuần từ hoạt động khác	1.854.709.000	1.862.806.000
Cộng	755.339.884.605	810.146.691.634

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng bán mũ cao su thành phẩm	467.331.441.759	449.487.541.702
Giá vốn hàng bán cây cao su thanh lý	9.401.911.699	11.503.722.617
Giá vốn dịch vụ gia công mũ cao su	1.966.439.752	1.050.140.720
Giá vốn hàng bán mũ tận thu	897.885.090	2.198.419.418
Giá vốn hàng bán hoạt động chế biến gỗ	42.908.923.234	69.797.825.473
Giá vốn từ hoạt động khác	1.361.404.353	1.222.536.750
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.182.720.796	-
Cộng	530.050.726.683	535.260.186.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.304.406.569	19.710.243.443
Lãi bán ngoại tệ	156.632.600	115.250.500
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.106.646.200	14.330.841.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	524.496.293	180.920.904
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.075
Cộng	48.092.181.662	34.337.264.522

Doanh thu với các bên liên quan: Thuyết minh số 8.1.2

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lỗ do bán ngoại tệ	46.434.000	108.583.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá	511.015.465	418.367.612
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	4.225.977.812	20.446.863.878
Chi phí tài chính khác	-	257.547.540
Cộng	4.783.427.277	21.231.362.635

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.158.055	504.912.908
Chi phí nhân công	1.006.148.908	988.378.565
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.596.270	58.596.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.283.938.551	1.847.952.162
Chi phí khác bằng tiền	1.102.868.967	1.833.399.059
Cộng	5.858.710.751	5.233.238.964

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.736.745.790	19.087.954.170
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	2.683.093.791	1.619.803.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.541.772.893	1.854.044.586
Thuế, phí và lệ phí	2.126.430.635	1.665.791.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.051.690.390	3.495.052.559
Chi phí khác bằng tiền	23.285.522.270	18.815.276.894
Cộng	50.425.255.769	46.537.923.850

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.9 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	113.425.926	-
Thu nhập từ bán củi bìa, củi đốt lò, domino	250.448.600	380.025.830
Thu nhập từ bán điện, nước sinh hoạt	5.978.259.335	4.606.911.748
Thu nhập từ đền bù, bồi thường	1.355.312.303	229.132.745.955
Thu nhập từ bán phế liệu, pallet	1.349.497.800	1.734.697.040
Thu nhập từ khám chữa bệnh	1.914.136.532	1.748.186.547
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	11.757.758.118	9.474.424.934
Thu nhập từ nhượng quyền khai thác mỏ	25.627.949.005	10.567.580.500
Thu nhập từ liên kết quản lý chăm sóc cao su	920.697.970	190.931.090
Thu nhập khác	1.217.759.367	2.187.154.075
Cộng	50.485.244.956	260.022.657.719

Thu nhập với các bên liên quan: Thuyết minh số 8.1.2

6.10 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí điện, nước sinh hoạt	4.870.302.288	2.846.953.527
Chi phí khám chữa bệnh	1.177.188.748	824.235.110
Chi phí thanh lý vườn cây	199.693.333	18.161.944.794
Chi phí từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	525.166.080	923.079.885
Chi phí xe, NVL, CCDC bán hàng	2.686.239.500	465.263.522
Khấu hao vườn cây nhượng quyền khai thác mỏ	1.465.429.590	2.589.776.914
Các khoản khác	1.003.259.553	1.007.829.941
Cộng	11.927.279.092	26.819.083.693

6.11 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hoạt động kinh doanh chính		
Lợi nhuận kê toán trước thuế	250.871.911.651	469.424.818.053
Các khoản điều chỉnh tăng khi tính thuế	317.249.252	167.602.132
Các khoản điều chỉnh giảm khi tính thuế	(17.106.646.200)	(14.330.841.600)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	234.082.514.703	455.261.578.585
Thu nhập từ HĐKD được miễn thuế	-	2.223.647.202
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 10%	540.562.057	840.944.932
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 17%	8.085.599.664	-
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	225.456.352.982	452.196.986.451
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp		
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 10%	54.056.206	84.094.493
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 17%	1.374.551.943	-
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	45.091.270.596	90.439.397.290
Thuế TNDN được giảm 50%	(687.275.972)	-
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	406.000.080	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	46.238.602.853	90.523.491.783
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	23.225.751.132	(4.482.445.008)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(93.000.000.000)	(62.815.295.643)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(23.535.646.015)	23.225.751.132

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.902.288.503	200.159.342.573
Chi phí nhân công	234.502.425.508	262.929.217.955
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	7.827.276.620	6.851.947.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.808.363.168	37.056.015.363
Thuế, phí và lệ phí	3.852.099.337	3.235.470.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.199.426.807	14.894.917.823
Chi phí khác bằng tiền	77.567.982.196	49.954.884.523
Cộng	588.659.862.138	575.081.796.606

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	473.284.786.190	-	238.575.921.867	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.481.130.714	-	24.164.049.212	-
Đầu tư ngắn hạn	364.840.070.015	-	454.230.831.683	-
Đầu tư dài hạn	965.117.870.000	(47.789.568.654)	1.057.117.870.000	(52.015.546.466)
Cộng	1.868.723.856.919	(47.789.568.654)	1.774.088.672.762	(52.015.546.466)

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND
	Phải trả người bán, phải trả khác	97.632.670.972
Chi phí phải trả	128.360.000	444.263.683
Cộng	97.761.030.972	26.622.425.834

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2022	Từ 01 năm	Trên 01 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	trở xuống	đến 05 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	473.284.786.190	-	-	473.284.786.190
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.981.130.714	39.500.000.000	-	65.481.130.714
Đầu tư ngắn hạn	364.840.070.015	-	-	364.840.070.015
Đầu tư dài hạn	-	21.300.000.000	943.817.870.000	965.117.870.000
Cộng	864.105.986.919	60.800.000.000	943.817.870.000	1.868.723.856.919

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Tại ngày 31/12/2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	238.575.921.867	-	-	238.575.921.867
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.464.049.212	1.700.000.000	-	24.164.049.212
Đầu tư ngắn hạn	454.230.831.683	-	-	454.230.831.683
Đầu tư dài hạn	-	11.300.000.000	1.045.817.870.000	1.057.117.870.000
Cộng	715.270.802.762	13.000.000.000	1.045.817.870.000	1.774.088.672.762

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	97.632.670.972	-	-	97.632.670.972
Chi phí phải trả	128.360.000	-	-	128.360.000
Cộng	97.761.030.972	-	-	97.761.030.972

Tại ngày 31/12/2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	26.178.162.151	-	-	26.178.162.151
Chi phí phải trả	444.263.683	-	-	444.263.683
Cộng	26.622.425.834	-	-	26.622.425.834

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

<u>Tên các bên liên quan</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam- Công ty Cổ phần	TP. Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Bình Phước	Công ty con
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đăk Nông	Đăk Nông	Công ty con
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	Bình Phước	Công ty con
Công ty CP Kinh doanh BOT Bình Phước	Bình Phước	Đơn vị nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Bình Phước	Đơn vị nhận đầu tư
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Kon Tum	Đơn vị nhận đầu tư
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Quảng Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP VRG Khai Hoàn	Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Gỗ Lộc Ninh	Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cao su Trương Phát	Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng	Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Phước Hòa	Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	Lai Châu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam	Bình Phước	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn
Tạp chí Cao su Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn
Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Bến Thánh	TP. Hồ Chí Minh	Bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2022			Năm 2021		
		Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND	Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND
Hội đồng Quản trị							
Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	559.436.544		559.436.544	465.485.000		465.485.000
Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT	-		-	37.200.000		37.200.000
Phạm Phi Điểu	Thành viên HĐQT	74.400.000		74.400.000	37.200.000		37.200.000
Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	37.200.000		37.200.000	-		-
Trần Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	37.200.000		37.200.000	74.400.000		74.400.000
Tổng cộng		708.236.544	-	708.236.544	614.285.000	-	614.285.000
Ban kiểm soát							
Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	435.117.312		435.117.312	355.745.000		355.745.000
Bùi Thanh Tâm	Thành viên	30.000.000		30.000.000	60.000.000		60.000.000
Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	244.701.000		244.701.000	214.720.000		214.720.000
Nguyễn Minh Trang	Thành viên	30.000.000		30.000.000	-		-
Tổng cộng		739.818.312	-	739.818.312	630.465.000	-	630.465.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng							
Hồ Cường	Tổng Giám đốc	528.356.736		528.356.736	443.008.000		443.008.000
Huỳnh Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc	481.737.024		481.737.024	401.639.000		401.639.000
Lưu Minh Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	466.197.120		466.197.120	395.265.000		395.265.000
Phạm Ngọc Huy	Kế toán trưởng	435.117.312		435.117.312	364.033.000		364.033.000
Tổng cộng		1.911.408.192	-	1.911.408.192	1.603.945.000	-	1.603.945.000

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	69.610.364.085	83.662.588.098
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	825.900.000	962.100.000
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	27.860.771.200	17.847.650.000
Công ty CP VRG Khải Hoàn	9.396.368.725	48.016.675.500
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông	10.174.752.000	11.555.712.000
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam- Công ty cổ phần	21.352.572.160	5.280.450.598
<i>Doanh thu thanh lý cây cao su</i>	75.027.795.189	59.416.926.166
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	-	3.362.915.279
Công ty CP Gỗ Lộc Ninh	-	9.700.246.232
Công ty CP Công nghiệp và XNK Cao su	14.650.350.766	990.254.656
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	20.173.065.905	23.035.504.916
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	24.283.703.145	-
Công ty Cổ phần Gỗ MDF Kiên Giang	15.920.675.373	22.328.005.083
<i>Doanh thu khác</i>	3.888.680.350	1.816.632.000
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú Riềng - Bán gỗ tháp	51.060.000	-
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Bán gỗ giống cao su	278.690.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu - Dịch vụ gia công mũ cao su	794.470.000	-
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông - Dịch vụ gia công mũ cao su	2.764.460.350	1.816.632.000
Cộng	148.526.839.624	144.896.146.264

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	15.300.000.000	12.750.000.000
Công ty CP Kinh doanh BOT Đường ĐT 741	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	1.781.925.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	24.721.200	13.341.600
Trạm Trộn Bê Tông Bình Phước	-	67.500.000
Cộng	17.106.646.200	14.330.841.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú - Bán nước sinh hoạt	81.895.000	55.870.000
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú - Bán nước sinh hoạt	1.613.190.475	1.723.278.567
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông - Gia công đóng kiện, palet	132.411.576	91.646.800
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su - Bán nước sinh hoạt	25.954.283	17.497.142
Công ty CP BOT Bình Phước - bán nước sinh hoạt	199.604.000	145.847.617
Cộng	2.053.055.334	2.034.140.126
Mua hàng hóa dịch vụ		
Tạp chí Cao su Việt Nam - Chi phí quảng cáo, mua tạp chí và mua vật tư khác	320.705.000	1.455.645.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Bồi dưỡng quản lý hành chính và doanh nghiệp	57.000.000	-
Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam - Mua nguyên vật liệu	839.132.700	1.006.030.000
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng - Mua cây cao su thanh lý	-	13.084.152.060
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long - Mua cây cao su thanh lý	-	5.164.520.000
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa - Mua cây cao su thanh lý	-	155.876.290
Công ty CP Cao su Bến Thành - Mua lốp xe	-	312.972.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Dịch vụ sửa chữa dây chuyền nhà máy chế biến	-	171.300.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Mua vật tư dây chuyền chế biến mũ nhập kho	237.127.000	581.230.000
Cộng	1.453.964.700	21.931.725.350
Giao dịch khác		
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần - Phải trả cổ tức	84.000.000.000	72.000.000.000
Công ty CP Cao su Sa Thầy - Góp vốn đầu tư	-	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú - Góp vốn đầu tư	102.000.000.000	-
Cộng	186.000.000.000	73.800.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Ngoài các số dư với các bên liên quan khác đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

8.2 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 05/GCN-UBCK ngày 16/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, với các nội dung chính như sau:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được phát hành: 443.025 Cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đăk Nông;
- Tổng giá trị Cổ phiếu phát hành để hoán đổi theo mệnh giá: 4.430.250.000 VND;
- Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu hoán đổi có hiệu lực;
- Phương thức phân phối: Cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú – Đăk Nông (theo phương án nêu trong Bản cáo bạch).

Ngoài các sự kiện phát sinh sau niên độ nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không có thêm sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

8.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

Người lập biểu
Võ Duy Hương
Bình Phước, Việt Nam
Ngày 16 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Hồ Cường



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 58

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Trụ sở chính : Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 84-(271) 381 97 88
- Fax : 84-(271) 381 98 20

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 4403000088 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 3800100378 ngày 12/07/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ bổ nhiệm
Ông Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch	
Ông Hồ Cường	Thành viên	
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Thành viên	
Ông Phạm Phi Diệu	Thành viên	
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/ bổ nhiệm
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	
Ông Bùi Thanh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Hồ Cường	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15/02/2022
Ông Huỳnh Trọng Thủy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Minh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SỰ ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Mai Huỳnh Nhật - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (sinh ngày 19/02/1965; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 285167717 do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/05/2013; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở hiện tại: 864 quốc lộ 14, khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trong yếu tố đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-SEC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Cường

Tổng Giám đốc

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Số: 054/2022/BCKTHN-PB.00307

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm và kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



ÔNG THẾ ĐỨC
Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0855 - 2023 - 009 - 1

ĐẶNG NGỌC KHÁNH
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 2505 - 2018 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.885.073.999.061	1.618.485.780.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	311.048.765.901	593.108.178.677
1. Tiền	111		94.274.204.338	138.712.372.882
2. Các khoản tương đương tiền	112		216.774.551.565	457.395.805.595
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.208.993.167.003	697.840.070.015
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.208.993.167.003	697.840.070.015
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.683.760.642	64.339.292.629
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	33.783.453.798	17.683.861.062
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	12.031.645.337	8.121.680.826
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	46.901.178.599	38.857.752.989
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(11.112.617.182)	(8.740.825.763)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	-	1.228.623.506
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	194.002.211.784	213.840.783.921
1. Hàng tồn kho	141		204.912.832.518	219.516.934.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.910.620.854)	(5.676.150.307)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		80.446.163.841	69.357.455.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	464.612.940	2.445.021.949
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		30.636.439.661	27.852.064.828
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	59.345.051.240	29.060.368.274
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.279.788.327.361	2.414.004.114.621
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.381.084.438	44.608.176.290
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.11	1.877.856.311	3.127.391.838
2. Phải thu dài hạn khác	218	5.5	3.603.428.127	41.478.783.422
II. Tài sản cố định	220		1.426.319.209.003	1.474.681.947.643
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	1.425.000.383.339	1.473.351.629.828
- Nguyên giá	222		2.352.649.242.785	2.293.510.961.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(927.648.859.447)	(820.159.331.584)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	1.318.825.864	1.230.317.715
- Nguyên giá	228		3.119.251.533	2.852.492.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.799.425.669)	(1.622.174.367)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.14	150.003.686.348	161.780.370.807
- Nguyên giá	231		223.634.387.203	222.396.959.792
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(73.630.821.855)	(60.616.588.985)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		164.436.881.619	128.508.553.528
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	5.15	2.623.319.538	2.544.283.516
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.16	151.812.861.983	125.864.270.012
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		124.148.366.712	141.138.164.916
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.17	127.733.870.000	127.733.870.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.17	(18.885.501.288)	(16.895.706.084)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	15.300.000.000	32.300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		419.498.118.341	463.408.902.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	413.211.658.495	455.519.301.662
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.18	6.286.459.846	7.889.600.905
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.164.860.326.412	4.032.489.894.814

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN/NN

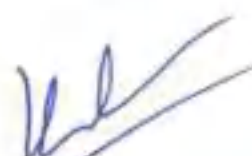
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.173.689.060.380	1.289.937.301.637
I. Nợ ngắn hạn	310		298.132.208.372	485.468.652.939
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.19	5.285.303.691	7.618.918.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.20	5.808.738.531	5.386.880.166
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	4.893.597.573	35.760.826.984
4. Phải trả người lao động	314		94.743.772.409	137.868.373.804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.21	2.296.040.940	1.684.110.405
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.22	56.546.923.570	27.221.283.067
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.23	80.883.381.806	149.994.575.211
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.24	5.000.000.000	28.984.522.200
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		63.977.452.952	69.931.073.688
II. Nợ dài hạn	330		874.436.852.008	824.478.638.698
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.21	28.383.120.947	26.705.818.457
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.22	839.244.007.171	768.920.817.073
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.23	183.714.854	183.714.854
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.24	-	24.588.515.600
5. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	341	5.18	6.826.009.036	6.778.772.714
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.991.291.266.032	2.742.662.693.177
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.26	2.994.578.948.347	2.744.404.297.887
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.000.000.000	430.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.000.000.000	430.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.990.522.453	191.990.522.453
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		78.723.297.858	62.221.398.305
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.177.444.730.513	1.138.620.518.557
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		433.180.009.364	372.654.110.148
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		185.215.853.272	(1.319.523.414)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		247.964.656.092	373.973.833.563
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		683.238.388.149	550.717.749.403
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.26	(3.285.680.315)	(1.851.704.890)
1. Nguồn kinh phí	431		(3.285.680.315)	(1.851.704.890)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.164.860.326.412	4.032.489.894.814



Người lập biểu
Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Hồ Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.211.541.258.258	1.217.826.616.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	809.423.581	985.491.573
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.3	1.210.731.831.577	1.216.841.125.268
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	843.134.794.059	786.532.015.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		367.697.037.518	430.309.109.329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.5	87.858.674.202	47.456.547.398
7. Chi phí tài chính	22	6.8	2.019.402.671	6.898.180.728
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		958.705.419	4.088.930.183
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	26.842.981.825	32.950.338.103
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.8	95.254.305.836	86.888.204.589
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		311.140.021.188	352.360.933.327
12. Thu nhập khác	31	6.9	54.953.162.875	261.818.524.650
13. Chi phí khác	32	6.10	18.001.947.962	36.824.535.873
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		36.951.214.923	224.993.988.877
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		350.101.236.111	577.344.922.004
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	58.480.511.421	108.618.382.188
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.12	2.450.377.381	(3.650.994.683)
18. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60		291.190.347.309	472.577.534.709
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		247.964.858.092	431.075.194.193
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		43.225.691.217	41.502.340.516
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.13	5.767	8.773
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.13	2.869	4.320



Người lập biểu
Võ Duy Hương
Bình Phước, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Hồ Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SÚ ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Theo phương pháp gián tiếp*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 03 - DN/NH

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022		Năm 2021	
		VND		VND	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	350.101.238.111		577.344.922.004	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	128.609.022.505		124.078.926.133	
- Các khoản dự phòng	03	8.595.958.180		(4.591.312.515)	
- Lãi, lỗ chính lịch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục liên tế có gốc ngoại tệ	04	(187.549.804)		(253.702.696)	
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	06	(195.258.061.788)		(43.187.119.186)	
- Chi phí lãi vay	08	958.705.419		4.985.930.183	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	09	290.837.280.623		858.384.842.853	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	12.980.822.809		95.387.098.831	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.604.101.810		(58.302.877.847)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.777.202.649		83.669.745.908	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	44.288.062.176		15.304.646.896	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(943.104.177)		(5.175.241.990)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(90.682.922.645)		(84.930.788.818)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-		791.000.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	292.851.233.145		707.108.418.833	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(79.430.500.610)		(53.577.143.828)	
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	125.426.926		103.638.364	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.051.377.837.577)		(715.824.344.187)	
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ khác	24	728.988.971.442		408.418.701.838	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-		(1.800.000.000)	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.222.384.907		51.809.409.434	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(346.461.555.912)		(313.069.740.051)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-		171.431.082.330	
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.900.000.000		12.000.000.000	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.016.318.500)		(168.827.655.984)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(170.974.298.300)		(182.058.583.450)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(220.090.616.800)		(165.452.127.104)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60	(283.890.939.567)		228.588.548.668	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	583.108.178.577		366.160.963.174	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.631.516.891		(1.629.324.286)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	311.048.755.801		583.108.178.577	

Người lập biểu
Võ Duy Hương
Bình Phước, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023.

Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Hồ Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đông Phú - Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo Quyết định số 3441/QĐ-BNN - ĐMDN ngày 13/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 4403000089 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 số 3800100378 ngày 12/07/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 430.000.000.000 VND (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng); Tổng số cổ phần là 43.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm từ mủ cao su.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su (Trồng và chế biến mủ cao su; Thanh lý vườn cây cao su);
- Chăn nuôi gia cầm;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại (Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp);
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, kinh doanh địa ốc);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng);
- Sản xuất phân bón và hợp chất nito (Công nghiệp hóa chất phân bón); Chăn nuôi trâu, bò;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán gỗ cao su);
- Khai thác gỗ (Khai thác gỗ cao su);
- Mua bán xuất nhập khẩu mủ các su các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số 8 09 – DN/HN

1.5 Cấu trúc của Công ty**Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	88,41%	88,41%
Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	51,00%	51,00%
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất nệm cao su	76,83%	76,83%
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	58,37%	58,37%

Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh khách sạn	5,39%	5,39%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Tỉnh Bình Phước	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	0,20%	0,20%
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Tỉnh Kon Tum	Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su	10,21%	10,21%
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,70%	11,70%
Công ty CP BOT Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	Sản xuất, thương mại và thu phí đường bộ	11,32%	11,32%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su An Bình	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Nông trường Cao su Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Lợi	Xã Tân Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình
Nông trường Cao su Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nông trường Cao su Tân Thành	Xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình
Xí nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Nhà máy chế biến mủ Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Chi nhánh Chế biến gỗ Cao su Đồng Phú	Áp Dân Dân, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

1.8 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 3.870 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.723 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá tại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phải hành bất buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu và tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - i. 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - ii. 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - iii. 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - iv. 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo

từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh mỗi lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCON ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc Trích khấu hao vườn cây cao

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SÚ ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/NN

su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm, cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,80
Năm thứ 6	6,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,00
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	05 – 25

4.11 Tài sản dở dang dài hạn

Tài sản dở dang dài hạn bao gồm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn là các chi phí dự định để sản xuất hàng tồn kho nhưng việc sản xuất vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lợi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý công như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động và tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoại trừ vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hoá dịch vụ để nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoãn nhập.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc năm tài chính và cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả liền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như tài do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, tài do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.19 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu và doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản đầu tư của Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời (05) điều kiện sau:

- Bất động sản hoàn thành toàn bộ và giao cho người mua, doanh nghiệp chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bất động sản

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng là doanh thu tại Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Khu công nghiệp Nam Đồng Phú.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tại sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế XK được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

4.20 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được linh vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhận công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.21 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí lãi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bốc hàng sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tạm thời gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế

chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng khoản chênh lệch tạm thời đó.

4.24 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại và tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán bên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.25 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	7.400.640.912	7.137.379.853
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.873.554.424	128.574.993.129
Các khoản tương đương tiền (i)	216.774.551.565	457.395.805.595
Cộng	311.048.755.901	593.108.178.577

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 3,5% - 8%/năm.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	1.208.993.167.003	1.208.993.167.003	697.840.070.015	697.840.070.015
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	1.208.993.167.003	1.208.993.167.003	697.840.070.015	697.840.070.015
Dài hạn	15.300.000.000	15.300.000.000	32.300.000.000	32.300.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (ii)	11.300.000.000	11.300.000.000	18.300.000.000	18.300.000.000
- Trái phiếu (iii)	4.000.000.000	4.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	1.224.293.167.003	1.224.293.167.003	730.140.070.015	730.140.070.015

(i) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2022:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	06 - 13 tháng	5,8% - 5,5%	125.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	12 tháng	3,7% - 7,8%	174.648.174.368
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	08 tháng	5,0%	21.012.499.156
Ngân hàng Phát triển Bình Phước	12 tháng	4,5%	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	08 - 13 tháng	5,6% - 8,8%	461.708.607.998
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	08 - 12 tháng	3,7% - 5,2%	77.607.394.246
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	08 - 12 tháng	8,0% - 9,0%	98.554.255.917
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	12 -13 tháng	6,05% - 9,3%	51.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12 tháng	4,8%	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	12 tháng	6,1% - 6,3%	28.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	13 - 14 tháng	8,1% - 8,5%	41.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	12 -15 tháng	5,4% - 8,9%	52.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Bình Phước	13 tháng	8,0%	12.000.000.000
Ngân hàng Đại chúng Sài Gòn - Hà Nội Campuchia	12 tháng	4,5% - 6,0%	51.482.335.320
Cộng			1.208.993.167.003

CÔNG TY CỔ PHẦN GAO SÚ ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2022:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Quý Đầu Tư Phát Triển Bình Phước	13 tháng	8,0%	11.300.000.000
Cộng			11.300.000.000

(iii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn là trái phiếu tại ngày 31/12/2022:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72 tháng	5,3%	2.000.000.000
Ngân hàng NN Tân Thành	84 tháng	5,6%	2.000.000.000
Cộng			4.000.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.885.049.715	-
Công ty TNHH PTCS Hoàng Anh Mang Yáng K	1.275.172.936	-
Công ty TNHH PTCS Đồng Nai Kratie	2.608.878.779	-
Công ty CP Cao su Lai Châu	834.193.500	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	29.044.210.583	17.883.881.062
Công ty CP FSC Việt Nam	-	1.877.656.810
Weber & Schaefer GMBH & Co	4.244.855.706	3.320.445.429
Nguyễn Văn Động	1.688.371.987	-
Công ty TNHH MTV Gỗ Bám Thiên Bình	878.007.718	-
Công ty CP FSC Việt Nam	281.936.168	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Gỗ Nông Nghiệp	8.067.168.515	4.710.911.188
Công ty TNHH MTV Thăng Thăng Lợi	5.706.143.741	-
Century Winner International Co., LTD	-	1.881.000.640
Công ty Cổ phần Thương mại Vi Vi	233.428.834	888.491.224
Công ty Cổ Phần Con Cưng	790.572.108	378.134.437
Các khách hàng khác	10.156.726.808	4.999.221.334
Cộng	33.783.453.798	17.883.881.062

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	12.031.645.337	8.121.680.826
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	7.082.506.401	6.886.649.493
Công ty TNHH MTV TVXD-TM Phát Triển	2.318.189.804	-
Công ty TNHH MTV Thái Lai Bình Phước	430.967.800	-
Trả trước cho khách hàng khác	2.189.993.532	1.226.031.333
Cộng	12.031.645.337	8.121.680.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SƯ ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	489.612.706	-	455.693.000	-
Đoàn thành niên - Tập đoàn CN Cao sư Việt Nam - Công ty cổ phần Văn phòng đại diện Tập đoàn Công nghiệp Cao sư Việt Nam tại Campuchia Công ty CP Cao sư Phước Hòa - Kỳ quỹ	255.693.000	-	255.693.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	45.411.565.893	(2.285.788.140)	36.412.059.999	(2.222.667.270)
Tạm ứng	3.527.302.219	-	2.042.602.023	-
Ký cược, ký quỹ	340.000.000	-	340.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	26.750.358.179	-	16.716.956.201	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	2.285.788.140	(2.285.788.140)	2.222.667.270	(2.222.667.270)
Công ty TNHH Điện lực SNIKRP	10.727.047.537	-	10.405.469.621	-
Sras Thuận	-	-	2.302.055.688	-
Phải thu đối tượng khác	1.781.089.622	-	2.162.088.016	-
Cộng	48.901.178.699	(2.285.788.140)	36.687.762.999	(2.222.667.270)

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.503.428.127	-	41.478.783.422	-
Ký quỹ, ký cược	3.503.428.127	-	41.478.783.422	-
Cộng	3.503.428.127	-	41.478.783.422	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.6 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>		-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		11.112.517.192	(11.112.517.192)	9.740.825.763	(9.740.825.763)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Bắc	Trên 3 năm	9.378.293.541	(9.378.293.541)	9.119.316.763	(9.119.316.763)
Công ty TNHH Song Long	Trên 3 năm	401.545.500	(401.545.500)	401.545.500	(401.545.500)
Công ty CP Đầu tư XD Sài Gòn	Trên 3 năm	114.312.500	(114.312.500)	114.312.500	(114.312.500)
Khách sạn Nhật Hoàng	Trên 3 năm	105.651.000	(105.651.000)	105.651.000	(105.651.000)
DNTN Trang Trí Nội Thất Đái Loan Dafuco	Trên 3 năm	139.703.100	(139.703.100)	-	-
Đại Lý Ánh Tuyết - Đắknong	Trên 3 năm	68.641.000	(68.641.000)	-	-
Đại Lý Nam Việt - Gia Lai	Trên 3 năm	51.766.200	(51.766.200)	-	-
Đại lý Phước Hòa - Hà Nội	Trên 3 năm	44.541.800	(44.541.800)	-	-
Đại lý Phương Nam - Đồng Tháp	Trên 3 năm	83.550.000	(83.550.000)	-	-
Nguyễn Đình Hòa	Trên 3 năm	240.007.072	(240.007.072)	-	-
Trung Tâm Khuyến Công Bình Phước	Trên 3 năm	43.729.050	(43.729.050)	-	-
Cửa Hàng Thanh Quang - Lâm Đồng	Trên 3 năm	18.792.900	(18.792.900)	-	-
Master Sleep Company	Trên 3 năm	20.306.529	(20.306.529)	-	-
Công Ty TNHH MTV Đăng Kiên - Hà Nội	Trên 3 năm	110.640.000	(110.640.000)	-	-
Công ty TNHH Hale Việt Nam	Trên 3 năm	152.740.000	(152.740.000)	-	-
Đại lý Hạnh Phước	Trên 3 năm	65.210.000	(65.210.000)	-	-
Đại Lý Triều Nguyễn - Phú Giáo	Trên 3 năm	39.742.000	(39.742.000)	-	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	33.345.000	(33.345.000)	-	-
Cộng		11.112.517.192	(11.112.517.192)	9.740.825.763	(9.740.825.763)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng VND	Giá trị VND	Số lượng VND	Giá trị VND
Hàng tồn kho		-		1.226.823.505
Cộng		-		1.226.823.505

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.974.364.139	-	9.821.276.808	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.275.546.853	-	18.720.608.365	-
Công cụ, dụng cụ	10.899.812.642	-	4.322.878.582	-
Chi phí SXKDDD	44.950.342.289	-	44.939.798.370	-
Thành phẩm	121.880.833.875	(10.910.820.854)	121.005.323.158	(5.876.150.307)
Hàng hóa	398.120.584	-	771.507.933	-
Hàng gửi đi bán	3.808.012.318	-	18.935.839.011	-
Cộng	204.912.832.618	(10.910.820.854)	218.616.834.226	(5.876.150.307)

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	182.125.713	1.217.284.585
Chi phí bảo hiểm	28.887.469	81.094.796
Chi phí thuê nhà	-	387.000.000
Chi phí trả trước khác	255.819.755	779.682.588
Cộng	466.832.940	2.465.061.969

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí duy tu, sửa chữa, xây dựng	23.868.574.481	20.938.950.558
Chi phí môi giới cho thuê hạ tầng	14.313.448.000	14.163.486.693
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.182.816.423	8.845.823.534
Chi phí khai thác tài nguyên	231.772.232	260.743.780
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Bắc Đồng Phú	357.375.454.010	401.800.528.027
Chi phí thuê văn phòng	6.115.052.065	6.085.716.986
Chi phí - phí làm sổ quyền sử dụng đất	553.980.773	553.821.479
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	2.487.381.577
Chi phí chung chi nững bên vãng	1.270.998.681	1.209.822.399
Chi phí trả trước dài hạn khác	518.580.970	1.182.924.649
Cộng	413.211.658.486	455.519.301.662

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2022		Phát sinh trong năm			01/01/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch do chuyển đổi BCTC VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế tài nguyên	6.040.823	-	64.313.952	64.306.880	-	6.033.751	-
Thuế giá trị gia tăng	1.931.153.209	2.431.248.489	53.539.173.482	62.380.023.427	-	8.442.909.119	102.154.454
Thuế thu nhập cá nhân	559.336.659	2.300.275.049	6.300.919.373	7.003.961.481	23.633.319	1.058.206.961	2.119.936.562
Thuế TNDN	687.275.971	42.648.405.388	56.460.511.421	99.682.922.645	(31.066.296)	23.709.871.304	22.417.523.201
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	2.446.654.098	2.446.654.098	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	42.544.000	42.544.000	-	-	-
Thuế thu nhập giữ lại	39.682.161	-	643.589.566	628.754.136	790.648	24.056.083	-
Tiền thuế đất	1.470.108.750	11.965.122.314	25.843.082.351	34.498.865.614	41.020.933	2.519.748.766	4.400.000.000
Các loại thuế khác	-	-	67.811.508	47.057.451	-	-	20.754.057
Cộng	4.693.597.573	59.345.051.240	145.408.599.751	206.795.089.732	34.578.604	35.760.825.984	29.060.368.274

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.11 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước	1.877.656.311	3.127.391.838
Cộng	1.877.656.311	3.127.391.838

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây kinh doanh VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2022	453.227.556.905	230.455.195.790	112.876.238.171	9.004.601.420	1.487.947.369.126	2.293.510.961.412
- Đầu tư XDCB hoàn thành	30.039.868.393				15.733.119.061	45.772.987.454
- Mua trong kỳ	-	2.807.820.244	-	126.727.273	-	2.934.547.517
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	2.861.652.298	786.078.141	513.681.328	1.223.788	26.985.090.084	31.147.725.639
- Thanh lý, nhượng bán	(332.440.483)	(355.944.841)	(1.051.665.367)	(769.382.209)	(18.184.364.518)	(20.693.797.418)
- Giảm khác	(23.181.818)	-	-	-	-	(23.181.818)
Số dư tại ngày 31/12/2022	485.773.455.295	233.693.149.334	112.338.254.132	8.363.170.272	1.512.481.213.753	2.352.649.242.786
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2022	270.459.023.565	158.826.786.521	87.867.637.158	6.877.482.038	296.128.402.302	820.159.331.584
- Khấu hao trong kỳ	22.731.000.331	13.670.955.449	5.918.590.197	397.113.145	72.731.638.462	115.449.297.584
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	877.199.207	317.001.875	247.685.654	4.910	3.690.115.643	5.132.007.289
- Thanh lý, nhượng bán	(332.440.483)	(247.060.302)	(1.051.665.367)	(769.382.209)	(10.669.399.095)	(13.069.947.456)
- Giảm khác	(21.829.554)	-	-	-	-	(21.829.554)
Số dư tại ngày 31/12/2022	293.712.953.066	172.567.683.543	92.982.247.642	6.505.217.884	361.880.757.312	927.648.859.447
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2022	182.768.533.340	71.628.409.269	25.008.601.013	2.127.119.382	1.191.818.966.824	1.473.351.629.828
- Tại ngày 31/12/2022	192.060.502.229	61.125.465.791	19.356.006.490	1.857.952.388	1.150.600.456.441	1.425.000.383.339
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
- Tại ngày 01/01/2022	145.509.822.730	82.146.709.516	60.166.308.968	6.015.827.700	44.835.138.976	338.673.807.890
- Tại ngày 31/12/2022	152.423.237.798	112.456.669.805	71.471.778.878	5.519.227.309	46.334.923.646	388.205.837.436

CÔNG TY CỔ PHẦN CẠC SỬ ĐÔNG PHÙ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.13 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2022	997.194.500	1.661.984.073	193.303.509	2.852.482.082
- Mua trong năm	-	254.000.000	-	254.000.000
- Tăng/Giảm do chuyển đổi BCTC	-	11.759.451	-	11.759.451
Số dư tại ngày 31/12/2022	997.194.500	1.927.753.524	193.303.509	3.118.251.533
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2022	211.310.297	1.308.614.325	101.246.745	1.622.174.367
- Khắc hao trong kỳ	28.481.276	117.585.785	19.434.990	165.482.051
- Tăng/Giảm do chuyển đổi BCTC	-	11.759.451	-	11.759.451
Số dư tại ngày 31/12/2022	239.801.573	1.438.939.561	120.684.735	1.799.425.869
Giá trị còn lại				
- Tại ngày 01/01/2022	785.884.203	352.379.748	92.056.764	1.230.317.715
- Tại ngày 31/12/2022	757.392.927	488.813.963	72.618.774	1.318.825.664
Nguyên giá tài sản cố định vô hình để khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
- Tại ngày 01/01/2022	-	1.064.064.073	77.910.000	1.081.894.073
- Tại ngày 31/12/2022	-	1.003.626.886	77.910.000	1.081.536.886

5.14 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2022 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	222.396.959.792	1.237.427.411	-	223.634.387.203
- Cơ sở hạ tầng	222.396.959.792	1.237.427.411	-	223.634.387.203
Giá trị hao mòn lũy kế	60.636.588.985	12.994.232.870	-	73.630.821.855
- Cơ sở hạ tầng	60.636.588.985	12.994.232.870	-	73.630.821.855
Giá trị còn lại	161.760.370.807	1.237.427.411	12.994.232.870	150.003.565.348
- Cơ sở hạ tầng	161.760.370.807	1.237.427.411	12.994.232.870	150.003.565.348

5.15 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí trồng rừng	2.623.319.536	2.623.319.536	2.544.283.516	2.544.283.516
Cộng	2.623.319.536	2.623.319.536	2.544.283.516	2.544.283.516

8.16 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản	122.858.694.395	108.785.010.855
Vườn cây kiến thiết cơ bản tại Việt Nam	114.729.208.688	100.885.428.321
Vườn cây kiến thiết cơ bản tại Campuchia	8.129.485.707	7.899.582.534
Chi phí đầu tư các công trình xây dựng	28.953.967.588	17.179.268.167
Dự án Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú	7.767.062.860	1.882.622.654
Dự án Khu Công nghiệp Nam Đồng Phú	-	346.603.259
Dự án Khu dân cư Tiến Hưng	-	1.255.653.059
Các chi phí xây dựng, kiến thiết cơ bản khác	21.186.904.728	13.894.480.285
Cộng	151.812.661.983	125.964.270.012

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.17 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	127.733.870.000	(18.885.501.288)	-	(18.895.705.084)
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	19.895.870.000	(18.772.648.093)	(i)	19.895.870.000 (18.782.851.889)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	1.500.000.000	-	(i)	1.500.000.000 -
Công ty CP Cao su Sa Thầy	71.277.000.000	-	(i)	71.277.000.000 -
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	24.611.000.000	(112.853.195)	(i)	24.611.000.000 (112.853.195)
Công ty CP BOT Bình Phước	10.450.000.000	-	(i)	10.450.000.000 -
Cộng	127.733.870.000	(18.885.501.288)		127.733.870.000 (18.895.705.084)

Giá trị hợp lý

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác

Các giao dịch với công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác được trình bày ở Thuyết minh số 9.2.2.

5.18 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chính sách sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.432.299.229	39.448.004.525
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.288.459.846	7.889.600.905
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.288.459.846	7.889.600.905
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chính sách sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.130.046.178	28.883.563.570
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	6.626.009.036	5.778.772.714
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.626.009.036	5.778.772.714

5.19 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
Phải trả các bên liên quan				
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	165.000.000	165.000.000	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.120.303.691	5.120.303.691	7.618.918.414	7.618.918.414
Công ty CP Rubber Engineering	-	-	1.949.434.126	1.949.434.126
Công ty TNHH Quốc tế Thiên Vinh	-	-	829.282.850	829.282.850
Công ty TNHH Dệt May Việt Thăng Lợi	-	-	691.974.820	691.974.820
Trung Thông Trading and Service Co., Ltd	1.260.971.677	1.260.971.677	143.520.514	143.520.514
Công ty TNHH XD&XNK Ngân Huy Hoàng	533.503.860	533.503.860	-	-
Dung Bình Phát Construction Trading Co., Ltd	235.665.226	235.665.226	625.666.854	625.666.854
Phải trả khác	3.090.182.828	3.090.182.828	3.378.839.480	3.378.839.480
Cộng	5.285.303.691	5.285.303.691	7.618.918.414	7.618.918.414

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 99 – DN/HN

6.20 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	5.806.736.531	6.396.980.166
Người mua trả tiền trước khác - đại lý nệm ĐP	-	2.528.480.276
Công ty TNHH MTV Đồng Thái Gia	651.974.400	-
Công ty TNHH MTV Thăng Thăng Lợi	627.078.284	-
Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tam Tài Nhân	1.424.091.089	-
Hộ kinh doanh Thêm Kiều	49.022.153	1.051.888.523
Hợp tác xã Thanh Bình	-	832.771.900
Người mua trả trước khác	3.054.570.575	1.863.869.566
Cộng	6.806.736.531	6.396.980.166

6.21 Chi phí phải trả**5.21.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	182.624.134	-
Phí tư vấn	220.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	3.818.629	17.419.871
Chi phí phải trả khác	1.908.597.277	1.646.680.534
Cộng	2.295.040.040	1.664.110.405

5.21.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước khấu hao tài sản ghi nhận 1 lần	18.845.079.139	17.232.070.718
Trích trước phí sửa chữa hạ tầng	9.538.041.808	9.473.747.741
Cộng	28.383.120.947	26.705.818.457

6.22 Doanh thu chưa thực hiện**6.22.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện khu công nghiệp	26.630.314.669	20.006.034.741
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	30.116.608.911	7.216.248.326
Cộng	56.646.923.579	27.221.283.067

6.22.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện khu công nghiệp	839.244.007.171	786.820.817.073
Cộng	839.244.007.171	786.820.817.073

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN**6.23 Phải trả khác****5.23.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	9.523.498.795	42.091.830.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	36.000.000.000
Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần và tiền hỗ trợ	51.750.000	91.830.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.471.748.795	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	51.159.882.811	107.902.745.211
Nhận kỳ quỹ, ký cược	4.858.760.845	5.049.006.300
Kinh phí công đoàn	406.528.822	452.820.818
Phải trả cơ quan BHXH	72.508.365	65.508.191
Phải trả tiền hỗ trợ làm đường dây điện cao thế	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả tiền hỗ trợ kinh phí xây cầu OPhúc	2.588.722.200	2.588.722.200
Phải trả tiền đặt cọc thuê đất Khu công nghiệp theo hợp đồng	14.762.509.687	28.760.643.737
Phải trả thuế GTGT nhà thầu	-	788.580.831
Phải trả Ban Quản lý khu kinh tế Bình Phước	16.447.927.120	16.447.927.120
Phải trả chi phí trồng rừng	2.517.882.839	2.517.882.839
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	30.088.047.086
Phải trả tiền mua mù cao su tiểu điền tại các nông trường	2.317.967.853	3.685.012.184
Phải trả Công ty TNHH Thương mại NOCHY - Chi nhánh Bình Phước	-	6.338.297.178
Công ty TNHH MTV TM DV KT Minh Phát	414.426.150	941.210.348
Các khoản phải trả khác	1.774.851.540	6.215.388.481
Cộng	60.883.381.606	149.994.576.211

6.23.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	183.714.854	183.714.854
Tạm thu thuế TNCN của người mua - dự án Khu dân Cư Đồng Phú	183.714.854	183.714.854
Cộng	183.714.854	183.714.854

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.24 Vay và nợ thuê tài chính**5.24.1 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2022		Phát sinh trong năm			01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	8.900.000.000	15.900.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	8.900.000.000	15.900.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	25.131.796.300	42.116.318.500	-	16.984.522.200	16.984.522.200
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước	-	-	25.131.796.300	42.116.318.500	-	16.984.522.200	16.984.522.200
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	34.031.796.300	58.016.318.500	-	28.984.522.200	28.984.522.200

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn

(i) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 28A20/KHBB ngày 12/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước và Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú Đắk Nông:

- Hạn mức cho vay: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỉ đồng);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: Được xác định theo từng thời điểm của từng giấy nhận nợ;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Biện pháp đảm bảo khoản vay: Đảm bảo bằng khoản tiền gửi của công ty và/hoặc bên thứ 3 tại ngân hàng với tỷ lệ tối thiểu bằng 100% khoản nợ tại mọi thời điểm;
- Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2022: 5.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.24.2 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2022		Phát sinh trong năm			01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	giá hối đoái	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	-	-	202.537.750	25.092.053.350	-	24.889.515.600	24.889.515.600
Ngân hàng TMCP Ngoại							
thương Việt Nam - CN							
Bình Phước	-	-	202.537.750	25.092.053.350	-	24.889.515.600	24.889.515.600
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	202.537.750	25.092.053.350	-	24.889.515.600	24.889.515.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.25 Vốn chủ sở hữu

5.25.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa PP VND	Lợi ích cổ đông không KS VND	Cộng VND
Năm 2021								
Số dư tại ngày 01/01/2021	430.000.000.000	147.271.822.000	(126.980.054.347)	75.940.874.142	1.119.613.273.204	148.621.616.254	531.736.151.169	2.327.202.682.422
Tăng trong năm trước	-	44.718.700.453	-	-	17.207.246.353	431.075.194.193	41.502.340.518	534.503.481.515
Lãi trong năm trước						431.075.194.193	41.502.340.516	472.577.534.709
Phân phối lợi nhuận					17.207.246.353			17.207.246.353
Tăng do bán cổ phiếu quỹ		44.718.700.453						44.718.700.453
Giảm trong năm trước	-	-	126.980.054.347	(13.719.477.837)	-	(208.042.700.298)	(22.519.742.282)	(117.301.866.070)
Chia cổ tức						(64.500.000.000)		(64.500.000.000)
Tạm ứng cổ tức						(64.500.000.000)		(64.500.000.000)
Giảm do bán cổ phiếu quỹ			126.980.054.347					126.980.054.347
Trích quỹ đầu tư phát triển						(17.207.246.353)	(2.446.936.553)	(19.654.182.906)
Trích quỹ KTPL						(60.160.000.000)		(60.160.000.000)
Trích quỹ KT người QLDN						(282.000.000)		(282.000.000)
Giảm do chuyển đổi BCTC				(13.627.363.367)			(9.719.310.697)	(23.346.674.064)
Giảm khác				(92.114.470)		(1.393.453.945)	(10.353.495.032)	(11.839.063.447)
Số dư tại ngày 31/12/2021	430.000.000.000	191.990.522.453	-	62.221.396.305	1.136.820.519.557	372.654.110.149	550.717.749.403	2.744.404.297.867
Năm 2022								
Số dư tại ngày 01/01/2022	430.000.000.000	191.990.522.453	-	62.221.396.305	1.136.820.519.557	372.654.110.149	550.717.749.403	2.744.404.297.867
Tăng trong năm	-	-	-	16.501.901.563	40.624.210.956	252.269.656.092	154.854.752.137	464.250.520.748
Lãi trong kỳ						247.964.656.092	43.225.691.217	291.190.347.309
Phân phối lợi nhuận					40.624.210.956		1.859.571.544	42.483.782.500
Tăng do chuyển đổi BCTC				16.501.901.563			11.769.489.376	28.271.390.939
Tăng do góp vốn							98.000.000.000	98.000.000.000
Tăng do hợp nhất BCTC						4.305.000.000	-	4.305.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(191.743.756.877)	(22.334.115.391)	(214.077.872.268)
Chia cổ tức						(86.000.000.000)	(14.700.000.000)	(100.700.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển						(40.624.210.956)	(1.859.571.543)	(42.483.782.499)
Trích quỹ KTPL						(64.576.352.421)	(1.431.887.348)	(66.008.239.769)
Trích quỹ KT người QLDN						(543.193.500)	(37.656.500)	(580.850.000)
Giảm do hợp nhất BCTC							(4.305.000.000)	(4.305.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	430.000.000.000	191.990.522.453	-	78.723.297.868	1.177.444.730.513	433.180.009.364	683.238.386.149	2.994.576.946.347

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

5.25.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	240.000.000.000	240.000.000.000
Các cổ đông khác	190.000.000.000	190.000.000.000
Cộng	430.000.000.000	430.000.000.000

5.25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	430.000.000.000	430.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	430.000.000.000	430.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	86.000.000.000	126.000.000.000

5.25.4 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.000.000	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.000.000	43.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

5.25.5 Phân phối lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	372.854.110.149	149.621.818.254
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	247.964.858.092	431.075.194.193
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	4.306.000.000	-
Lợi nhuận được phân phối trong năm	624.923.766.241	580.696.810.447
Phân phối các quỹ về chia lợi nhuận, trong đó:	(191.743.756.877)	(208.042.700.288)
- Chia cổ tức	(86.000.000.000)	(84.500.000.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	(64.500.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(40.524.210.955)	(17.207.246.363)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(64.675.352.421)	(60.160.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng người QLDN	(543.183.500)	(282.000.000)
- Giảm khác	-	(1.393.453.945)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	433.180.009.364	372.654.110.149

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/MN

5.25.9 Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.177.444.730.513	1.136.820.519.557
Cộng	1.177.444.730.513	1.136.820.519.557

5.26 Nguồn kinh phí

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Nguồn kinh phí đầu năm	(1.851.704.890)	(7.444.085.588)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.456.291.736	8.768.977.119
Chi sự nghiệp	(3.890.297.360)	(4.178.616.223)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(3.285.680.315)	(1.851.704.890)

5.27 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2022	01/01/2022
a. Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (tấn)	1.829,12	765,80
- Mũ Latex HA	565,39	87,00
- Mũ SVR CV 60	-	120,96
- Mũ SVR 3L	60,48	100,80
- Mũ SVR 5	67,17	-
- Mũ SVR 10	703,47	144,80
- Mũ SAm	30,00	30,00
- Mũ RSS	22,47	181,44
- Mũ ngoại hạng	-	-
- Mũ gia công cho bên ngoài	380,14	100,80
b. Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	1.991.471,63	2.730.308,74

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước để sử dụng với mục đích phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp để cho thuê như sau:

- Thời hạn thuê từ năm 2009 đến năm 2059. Diện tích khu đất thuê là: 1.408.264,4 m². Theo Quyết định số 878/QĐ-CT ngày 28/06/2018 của Cục thuế tỉnh Bình Phước, Công ty được miễn tiền thuê đất trong giai đoạn từ ngày 27/07/2011 đến ngày 28/07/2028;
- Thời hạn thuê từ năm 2016 đến năm 2066. Diện tích khu đất thuê là: 526.943,6 m². Theo Quyết định số 1658/QĐ-CT ngày 16/11/2016 của Cục thuế tỉnh Bình Phước, Công ty được miễn tiền thuê đất trong giai đoạn từ ngày 15/02/2019 đến ngày 14/02/2034.

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	803.590.860.059	900.881.588.119
Doanh thu kinh doanh bất động sản	78.410.188.272	52.884.487.226
Doanh thu từ bán nền khu dân cư	-	3.648.662.488
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.913.673.222	25.286.842.369
Doanh thu hoạt động chế biến gỗ	56.853.528.277	108.510.218.534
Doanh thu cây cao su thành lý	141.487.841.615	122.342.936.994
Doanh thu từ hoạt động khác	3.285.183.813	4.281.901.100
Cộng	1.211.541.255.258	1.217.826.616.841

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hàng bán bị trả lại	809.423.681	574.191.285
Chiết khấu thương mại	-	411.300.288
Cộng	809.423.681	985.491.573

6.3 Doanh thu thuần và bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hoá	902.781.438.378	899.896.076.546
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	78.410.188.272	52.884.487.226
Doanh thu thuần từ bán đất nền khu dân cư	-	3.648.662.488
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	29.813.673.222	25.286.842.369
Doanh thu thuần hoạt động chế biến gỗ	56.853.528.277	108.510.218.534
Doanh thu thuần cây cao su thành lý	141.487.841.615	122.342.936.994
Doanh thu thuần từ hoạt động khác	3.285.183.813	4.281.901.100
Cộng	1.210.731.831.577	1.216.841.125.268

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	719.144.324.858	854.841.484.468
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	42.686.509.644	7.884.148.411
Giá vốn của hoạt động bán nền khu dân cư	-	15.870.007.439
Giá vốn hoạt động chế biến gỗ	42.908.923.234	89.797.825.473
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.484.668.989	18.516.584.749
Giá vốn cây cao su thành lý	9.401.911.699	12.726.258.387
Giá vốn khác	2.283.985.088	2.188.418.418
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.234.470.547	4.787.308.618
Cộng	843.134.794.059	786.632.015.939

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SỰ ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	69.172.161.672	43.197.119.166
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.806.646.200	1.580.841.600
Lãi bán ngoại tệ	1.889.116.823	115.250.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	690.749.307	2.583.328.055
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.075
Cộng	67.658.674.202	47.458.547.396

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí tiền vay	656.705.419	4.995.930.183
Lỗ do bán ngoại tệ	548.701.745	108.563.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá	523.199.503	1.292.285.751
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(10.203.796)	253.833.567
Chi phí tài chính khác	-	297.547.540
Cộng	2.018.402.871	8.898.160.726

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.081.054.443	3.096.888.656
Chi phí vật liệu, bao bì	932.940.077	851.191.039
Chi phí chiết khấu bán hàng	3.856.481.966	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.070.579	58.596.270
Thuế, phí và lệ phí	51.539.046	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.394.129.376	10.990.031.996
Chi phí khác bằng tiền	5.336.766.308	17.863.830.143
Cộng	26.842.981.825	32.850.338.103

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	43.816.368.838	43.191.019.438
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	5.584.951.815	3.799.658.349
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.064.816.499	3.174.828.948
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	2.640.529.088	2.504.146.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.182.605.324	7.105.818.589
Chi phí bằng tiền khác	33.862.520.513	25.979.734.559
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	1.112.714.651	-
Cộng	95.254.305.838	85.666.204.589

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN**6.9 Thu nhập khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ bán cây trồng rừng	-	2.970.000
Thu nhập từ bán củ bia, củ đốt lò, domino	250.448.600	380.025.830
Thu nhập từ thanh lý tài sản	113.425.926	-
Thu nhập từ đền bù, bồi thường	1.355.312.303	229.132.745.965
Phạt tiền chậm nộp liên độ thanh toán	2.747.851.044	1.361.088.725
Thu nhập từ bán phế liệu, pallet	1.348.497.800	1.734.697.040
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	11.757.758.118	8.474.424.834
Thu nhập từ khám chữa bệnh	1.814.136.532	1.748.188.547
Thu nhập từ nhượng quyền khai thác mỏ	25.627.949.006	10.587.580.500
Thu nhập từ bán điện, nước sinh hoạt	4.150.762.284	2.827.763.181
Thu nhập khác	5.698.021.263	4.589.043.836
Cộng	54.963.162.875	261.818.524.560

6.10 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	287.688.781	18.570.562.007
Chi phí bán cây trồng rừng	-	88.773.510
Chi phí thanh lý phế phẩm, pallet	-	66.700.000
Chi phí từ hợp tác kinh doanh đầu tư chuỗi	525.168.080	923.079.885
Chi phí khám chữa bệnh	1.177.188.748	824.235.110
Khấu hao vườn cây nhượng quyền khai thác mỏ	1.465.429.590	2.589.776.814
Chi phí tiền điện, nước	3.175.218.813	2.846.953.527
Chi phí tạm ngừng sản xuất	-	2.402.855.332
Tiền phạt thuế, vi phạm hành chính	480.156.517	2.149.371.682
Chi phí khác	8.881.121.423	6.372.227.896
Cộng	16.801.847.952	36.824.538.873

6.11 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	46.238.602.853	90.523.491.783
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	10.221.908.568	18.094.880.375
Cộng thuế TNDN ước tính phải nộp	56.460.511.421	108.618.382.158

6.12 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	647.235.322	4.036.606.042
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.603.141.069	(7.889.890.905)
Cộng thuế TNDN hoãn lại	2.450.377.391	(3.850.994.863)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

6.13 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	247.964.656.092	431.075.194.193
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	65.119.646.921
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	247.964.656.092	365.955.548.272
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	43.000.000	41.712.101
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	43.442.966	43.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.767	8.773
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.889	4.320

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo theo số liệu phân phối quỹ tại Công ty mẹ và phần sở hữu của Công ty mẹ tại các công ty con có thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Số để trình bày	Năm 2021 Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	431.075.194.193	431.075.194.193
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	65.119.646.921
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	431.075.194.193	365.955.548.272
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	41.712.101	41.712.101
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	43.000.000	43.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.336	8.773
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.089	4.320

6.14 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	291.203.212.066	249.537.526.373
Chi phí nhân công	379.518.606.598	388.338.025.295
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	20.952.847.834	17.531.418.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.582.470.605	111.203.928.298
Thuế, phí và lệ phí	30.921.339.820	4.061.793.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.128.872.774	43.030.523.066
Chi phí khác bằng tiền	106.326.576.649	61.883.487.679
Cộng	1.008.640.727.135	875.587.012.638

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHU

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHỖ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	8.900.000.000	12.000.000.000
Cộng	8.900.000.000	12.000.000.000

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	58.018.318.500	166.627.655.984
Cộng	58.018.318.500	166.627.655.984

B. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	Giá trị số sách			
	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	593.108.178.577	-	311.048.768.901	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.210.387.483	(9.740.625.783)	83.188.080.524	(11.112.517.192)
Các khoản cho vay	3.127.391.538	-	1.877.888.311	-
Đầu tư ngắn hạn	897.640.070.016	-	1.206.893.167.003	-
Đầu tư dài hạn	180.033.870.000	(18.885.705.084)	143.033.870.000	(18.885.501.268)
Cộng	1.860.318.907.813	(28.626.330.867)	1.748.121.608.739	(29.998.018.460)

B. Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách	
	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND
Phải trả người bán, phải trả khác	187.797.208.478	86.182.400.151
Chi phí phải trả	28.388.828.362	30.878.160.987
Vay và nợ	53.874.037.800	5.000.000.000
Cộng	240.041.175.141	101.830.561.138

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty sơ các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Áp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 08 - DN/HN

Tại ngày 01/01/2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	593.108.178.577	-	-	593.108.178.577
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.731.514.061	41.478.783.422	-	96.210.397.483
Các khoản cho vay	3.127.391.638	-	-	3.127.391.638
Đầu tư ngắn hạn	697.640.070.016	-	-	697.640.070.016
Đầu tư dài hạn	-	-	160.033.870.000	160.033.870.000
Cộng	1.348.807.254.491	41.478.783.422	160.033.870.000	1.550.319.907.913

Tại ngày 31/12/2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	311.048.755.901	-	-	311.048.755.901
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.884.532.997	3.503.428.127	-	83.388.061.124
Các khoản cho vay	1.877.556.311	-	-	1.877.556.311
Đầu tư ngắn hạn	1.208.993.167.003	-	-	1.208.993.167.003
Đầu tư dài hạn	-	-	143.033.870.000	143.033.870.000
Cộng	1.601.584.211.612	3.503.428.127	143.033.870.000	1.748.121.509.739

III. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	157.613.493.625	183.714.854	-	157.797.208.479
Chi phí phải trả	1.654.110.405	28.705.816.457	-	28.359.926.862
Vay và nợ	28.984.522.200	24.688.515.800	-	53.674.037.999
Cộng	188.252.126.230	51.778.048.811	-	240.041.175.141

Tại ngày 31/12/2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	65.968.885.297	183.714.854	-	66.152.600.151
Chi phí phải trả	2.295.040.040	29.383.120.947	-	30.878.160.987
Vay và nợ	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Cộng	73.263.725.337	28.508.835.801	-	101.830.861.138

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.2 Danh sách bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	TP. Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty CP Kinh doanh BƠT Bình Phước	Bình Phước	Đơn vị nhận đầu tư
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh	Bình Phước	Đơn vị nhận đầu tư
Công ty CP Cao Su Sa Thầy	Kon Tum	Đơn vị nhận đầu tư
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Quảng Ninh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty VRG Khải Hoàn	Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Chế biến-XNK Gỗ Tây Ninh	Tây Ninh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Gỗ Lộc Ninh	Bình Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Công nghệ và XNK Cao Su	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Cao Su Trường Phát	Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP chế biến gỗ Thuận An	Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP gỗ MDF Kiên Giang	Kiên Giang	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng	Bình Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long	Bình Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Cao su Phước Hòa	Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Cao su Lai Châu	Lai Châu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Cơ khí Cao su	TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH PTCS Hoàng Anh Mãng Yang K	Vương quốc Campuchia	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH PTCS Đồng Nai Kratie	Vương quốc Campuchia	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên	Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam	Bình Phước	Đơn vị sự nghiệp cùng tập đoàn
Tạp chí Cao su Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị sự nghiệp cùng tập đoàn
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị sự nghiệp cùng tập đoàn
Công ty CP Cao su Bến Thành	TP. Hồ Chí Minh	Bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SÚ ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2022			Năm 2021		
		Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND	Tiền thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Cộng VND
Hội đồng Quản trị							
Mai Huỳnh Nhật	Chủ tịch HĐQT	559.436.544	-	559.436.544	465.485.000	-	465.485.000
Phạm Phi Điều	Thành viên HĐQT	74.400.000	-	74.400.000	37.200.000	-	37.200.000
Nguyễn Văn Thái	Thành viên HĐQT	-	-	-	37.200.000	-	37.200.000
Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT	37.200.000	-	37.200.000	-	-	-
Trần Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT	37.200.000	-	37.200.000	74.400.000	-	74.400.000
Tổng cộng		708.236.544	-	708.236.544	614.285.000	-	614.285.000
Ban kiểm soát							
Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban	435.117.312	-	435.117.312	355.745.000	-	355.745.000
Bùi Thanh Tâm	Thành viên	30.000.000	-	30.000.000	60.000.000	-	60.000.000
Trần Thị Thụy Thuý	Thành viên	244.701.000	-	244.701.000	214.720.000	-	214.720.000
Nguyễn Minh Trang	Thành viên	30.000.000	-	30.000.000	-	-	-
Tổng cộng		739.818.312	-	739.818.312	630.465.000	-	630.465.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng							
Hồ Cường	Tổng Giám đốc	528.356.736	-	528.356.736	443.008.000	-	443.008.000
Huỳnh Trọng Thuý	Phó Tổng Giám đốc	481.737.024	-	481.737.024	401.639.000	-	401.639.000
Lưu Minh Tuyển	Phó Tổng Giám đốc	466.197.120	-	466.197.120	395.265.000	-	395.265.000
Phạm Ngọc Huy	Kế toán trưởng	435.117.312	-	435.117.312	364.033.000	-	364.033.000
Tổng cộng		1.911.408.192	-	1.911.408.192	1.603.945.000	-	1.603.945.000

Công ty không có các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	75.628.824.319	54.259.226.098
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	65.408.555.594	8.280.450.598
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	825.800.000	982.100.000
Công ty CP VRG Khế Hoàn	9.396.368.726	48.016.875.500
<i>Doanh thu thành lý cây cao su</i>	75.027.795.189	59.416.926.166
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	24.283.703.145	
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh		3.382.915.278
Công ty CP Gỗ Lộc Ninh		9.700.246.232
Công ty CP Cao su Trương Phát	20.173.065.805	23.035.504.816
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	15.920.675.373	22.328.006.083
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su	14.850.360.788	980.254.656
<i>Doanh thu giá công mũ cao su</i>	13.741.599.897	-
Công ty TNHH PTCS Đồng Nai - Kratie	12.465.416.387	-
Công ty TNHH PTCS Hoàng Anh Mang Yang K	1.276.183.310	-
<i>Doanh thu khác</i>	1.124.220.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú Riềng - Bán gỗ thép	51.080.000	-
Trương Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Bán gỗ giống cao su	278.890.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu - Dịch vụ giá công mũ cao su	794.470.000	-
Cộng	166.522.438.206	113.678.162.264
Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty CP Kinh doanh BOT Đường ĐT 741 - Tiền cổ tức	-	1.500.000.000
Công ty CP Cao su Sa Thầy - Tiền cổ tức	1.781.925.000	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh Trạm Trộn Bê Tông Bình Phước	24.721.200	13.341.600
	-	87.500.000
Cộng	1.806.648.200	1.580.841.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

<i>Thu nhập khác</i>	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su - Bán nước sinh hoạt	25.954.283	17.497.142
Công ty CP kinh doanh BOT Bình Phước - bán nước sinh hoạt	199.504.000	-
Cộng	225.658.283	17.497.142
<i>Mua hàng hóa dịch vụ</i>	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng- Mua cây cao su thanh lý	-	13.084.152.060
Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long - Mua cây cao su thanh lý	-	5.164.520.000
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa - Mua cây cao su thanh lý	-	155.876.290
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Mua vật tư dây chuyền chế biến mù nhập kho	237.127.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Dịch vụ sửa chữa dây chuyền nhà máy chế biến	-	581.230.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam - Học phí bồi dưỡng quản lý	72.000.000	-
Tạp chí Cao su Việt Nam - Chi phí quảng cáo, mua tạp chí	320.705.000	1.818.181.818
Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam - Mua nguyên vật liệu	903.382.700	980.301.384
Cộng	1.633.224.700	21.764.261.632
<i>Giao dịch khác</i>	Năm 2022 <i>VND</i>	Năm 2021 <i>VND</i>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần - Thanh toán tiền cổ tức	84.000.000.000	72.000.000.000
Công ty CP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên - Chia cổ tức	12.000.000.000	10.800.000.000
Công Ty CP Cao Su Phước Hòa - hoàn trả tiền đảm bảo dọn dẹp mặt bằng	200.000.000	-
Công ty CP Cao su Sa Thầy - Góp vốn đầu tư	-	1.800.000.000
Cộng	96.200.000.000	83.800.000.000

Công nợ với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Mẫu số B 09 – DN/HN

9.3 Thông tin về bộ phận*Theo lĩnh vực kinh doanh:*

Chỉ tiêu	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Thanh lý cây cao su và chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần							
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	865.188.190.211	79.378.474.030	141.487.841.615	76.410.188.272	89.067.120.999	-	1.251.531.815.127
Doanh thu thuần giữa các bộ phận (1)	(38.035.523.200)	-	-	-	(2.764.460.350)	-	(40.799.983.550)
Tổng doanh thu thuần	827.152.667.011	79.378.474.030	141.487.841.615	76.410.188.272	86.302.660.649	-	1.210.731.831.577
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Khấu hao tài sản cố định	81.769.086.212	11.139.193.089	13.372.040.499	13.910.953.622	8.417.749.084	-	128.609.022.506
Phần được chia từ lãi/(lỗ) của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (2)	86.882.954.140	(4.714.835.882)	96.537.528.468	15.979.806.879	55.916.555.223	-	250.601.808.828
Tổng tài sản (3)	2.851.341.284.821	143.398.081.580	466.291.760.176	1.295.250.762.401	293.532.392.256	(884.953.954.822)	4.164.850.326.412
Tổng nợ phải trả (4)	188.471.017.324	6.517.446.237	30.821.453.355	921.730.915.241	19.402.219.187	6.626.009.036	1.173.569.060.380
Lợi nhuận của từng bộ phận không bao gồm những khoản mục sau:	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu tài chính	51.348.247.977	1.051.673.213	-	30.548.753.012	-	(15.300.000.000)	67.658.674.202
Chi phí tài chính	6.242.400.441	12.184.038	-	-	-	(4.236.181.608)	2.018.402.871
Thu nhập khác	50.606.729.756	2.493.664.774	-	3.688.265.396	-	(1.827.497.051)	54.963.162.875
Chi phí khác	10.494.868.295	5.255.341.142	-	241.738.515	-	0	16.001.947.952

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÔNG PHÚ

Áp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

Tài sản của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những tài sản này được quản lý tập trung:	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Đầu tư tài chính ngắn hạn	505.693.167.003	25.000.000.000	-	878.300.000.000	-	-	1.208.993.167.003
Thuế GTGT được khấu trừ	29.975.863.436	62.929.874	-	597.546.351	-	-	30.636.439.661
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	41.346.754.804	225.697.839	-	17.772.598.597	-	-	59.345.051.240
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	1.877.656.311	-	-	1.877.656.311
Đầu tư tài chính dài hạn	1.005.102.323.534	-	-	4.000.000.000	-	(884.953.954.822)	124.148.368.712
Tổng cộng	1.582.118.108.777	25.288.627.713	-	702.547.901.259	-	(884.953.954.822)	1.425.000.682.927
Nợ phải trả của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung:	Sản xuất và kinh doanh mủ cao su	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su	Chế biến gỗ	Xây dựng, bất động sản, cơ sở hạ tầng	Hoạt động kinh doanh khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.757.146.022	4.910.062	-	931.541.489	-	-	4.693.597.573
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	-	-	-	5.000.000.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.626.009.036	-	-	-	-	-	6.626.009.036
Tổng cộng	15.383.155.058	4.910.062	-	931.541.489	-	-	16.319.606.610

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Ấp Thuận Phú I, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

Theo khu vực địa lý:

CHỈ TIÊU	Việt Nam	Vương quốc	Khác	Tổng cộng
	VND	Campuchia		
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	978.856.559.483	272.675.255.644	-	1.251.531.815.127
- Doanh thu bán hàng nội bộ	40.799.983.550	-	-	40.799.983.550
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	938.056.575.933	272.675.255.644	-	1.210.731.831.577
3. Tài sản tại các bộ phận	3.925.999.219.772	1.123.815.061.466	-	5.049.814.281.238
- Điều chỉnh tài sản nội bộ	884.953.954.822	-	-	884.953.954.822
4. Tài sản thuần của các bộ phận	3.041.045.264.950	1.123.815.061.466	-	4.164.860.326.416
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định	40.157.826.181	10.041.136.201	-	50.198.962.382
- Chi phí phát sinh mua tài sản cố định nội bộ	-	-	-	-
6. Tổng chi phí thuần đã phát sinh mua tài sản cố định	40.157.826.181	10.041.136.201	-	50.198.962.382

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty

9.4 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.6 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

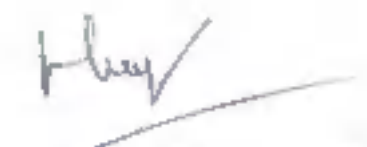
Ngày 16/01/2023, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 06/GCN-LBCK với các nội dung chính sau:

- Tổng số cổ phiếu phát hành để hoán đổi: 443.025 Cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú – Đắk Nông. Số lượng thực tế hoán đổi được theo Báo cáo số 34/BC-HĐQTCSĐP ngày 03/03/2023 về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập là 442.988 cổ phiếu;
- Tổng giá trị Cổ phiếu phát hành để hoán đổi theo mệnh giá: 4.430.250.000 VND;
- Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu hoán đổi có hiệu lực;
- Phương thức phân phối: Cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú – Đắk Nông (theo phương án nêu trong Bản cáo bạch).


Ngoài các sự kiện phát sinh sau niên độ nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không còn có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

9.7 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.



Người lập biểu
Võ Quý Hương
Bình Phước, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Hồ Cường

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 82 2203 232
Fax : +84 82 2200 200
Email: pd.atcham@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho Branch
A1 - 2B Street B, Cong An Residences,
Thien Huong Area, Phu Thuan Ward,
Can Tho District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 710 382 7888
Fax : +84 710 362 3200
Email: pd.atchct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch
Room 707, Nominex Building,
No. 60 Tran Thai Tong St.,
Dinh Vuong Hoa Ward, Cau Giay Dist.,
Ho Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 2002 016
Fax : +84 243 7950 832
Email: pkf.afcnb@pkf.afcvietnam.vn

Hai Phong Branch
No. 44 Nguyen Cong Hoan Street,
Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 8073 696
Fax : +84 243 2191 538
Email: pd.atchhp@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn